



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ
QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 409 /DVKT-VP

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2016

V/v công bố Báo cáo tài chính
hợp nhất 2015 đã kiểm toán.

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty : Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam
2. Mã chứng khoán: **PVS**
3. Trụ sở chính : Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
4. Điện thoại : 08.3910 2828 Fax: 08.3910 2929
5. Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Đức Thủy
6. Nội dung của thông tin công bố:

Báo cáo tài chính hợp nhất 2015 đã kiểm toán của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.ptsc.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (để b/c);
- Ban TGĐ (để b/c);
- Website: www.ptsc.com.vn;
- Lưu VT, TK. HĐQT.

TU. T. TỔNG GIÁM ĐỐC

Người công bố thông tin



Nguyễn Đức Thủy

Deloitte.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT
DẦU KHÍ VIỆT NAM**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

100150
CÔNG
CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ
DẦU KHÍ
VIỆT NAM
TP. H
CÔNG
C
CH
/

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 61

0150
CÔNG
CỐ PH
DỊCH VỤ KỸ
DẦU KH
VIỆT N
TP. H

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con được gọi chung là “Tổng công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đã điều hành Tổng công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Thái Quốc Hiệp	Chủ tịch
Ông Phan Thanh Tùng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Mậu	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Dân	Thành viên
Ông Phạm Văn Dũng	Thành viên
Bà Nguyễn Thanh Hương	Thành viên
Ông Đoàn Minh Mẫn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phan Thanh Tùng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tấn Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trần Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Mậu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Quốc Hoan	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



The image shows a handwritten signature in black ink over a circular red stamp. The stamp contains the following text: 'SB/K.K.D.0100150677-CTCP' around the top edge, 'TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM' in the center, and 'QUẬN 1 TP. HỒ CHÍ MINH' around the bottom edge.

Phan Thanh Tùng

Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2016

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam *Nieu*

11250
CHI NI
CÔN
CH NHIE
ELO
VIỆT OT
PHON
C
DICH
QUẬN 1

Số. 370 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con được gọi chung là “Tổng công ty”) được lập ngày 21 tháng 3 năm 2016, từ trang 5 đến trang 61, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay “Deloitte Toàn cầu”) không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	
			31/12/2015	(Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		16.006.011.595.166	16.930.157.471.293
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	7.996.669.754.080	8.194.248.685.277
1. Tiền	111		3.982.903.553.183	4.271.825.574.947
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.013.766.200.897	3.922.423.110.330
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		570.070.000.000	4.110.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7	570.070.000.000	4.110.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.725.328.822.123	7.870.722.910.686
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	4.229.681.576.031	5.853.568.751.986
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		475.565.519.498	199.453.519.993
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		4.765.479.848	-
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	12	28.757.555.368	36.515.902.584
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	1.142.556.125.176	1.821.729.296.365
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(155.997.433.798)	(40.544.560.242)
IV. Hàng tồn kho	140	10	1.190.080.622.597	587.657.841.570
1. Hàng tồn kho	141		1.195.777.537.746	592.316.102.390
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.696.915.149)	(4.658.260.820)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		523.862.396.366	273.418.033.760
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	23.353.448.130	48.859.148.465
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		460.395.529.830	173.928.156.852
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	21	40.113.418.406	50.630.728.443
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10.431.041.391.728	9.753.500.396.614
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		76.639.707.725	61.517.311.592
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212		56.227.502.258	9.147.069.540
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215	12	-	27.386.928.007
3. Phải thu dài hạn khác	216	9	20.412.205.467	24.983.314.045
II. Tài sản cố định	220		4.727.816.332.623	4.628.104.831.473
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	4.701.785.351.363	4.601.222.404.035
- Nguyên giá	222		11.653.416.894.534	10.674.309.633.119
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.951.631.543.171)	(6.073.087.229.084)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	26.030.981.260	26.882.427.438
- Nguyên giá	228		71.167.554.725	60.166.827.445
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(45.136.573.465)	(33.284.400.007)
III. Bất động sản đầu tư	230	15	202.277.135.763	-
- Nguyên giá	231		229.280.786.454	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(27.003.650.691)	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	16	424.420.945.500	429.563.309.799
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		369.678.895.035	338.243.865.136
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		54.742.050.465	91.319.444.663
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.203.786.295.223	3.981.739.820.822
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	18	4.166.493.636.903	3.886.533.596.834
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	19	61.030.000.000	133.783.043.710
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	19	(23.737.341.680)	(38.576.819.722)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		796.100.974.894	652.575.122.928
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	746.045.339.983	652.523.086.884
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		50.055.634.911	52.036.044
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		26.437.052.986.894	26.683.657.867.907


Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 61 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất




BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

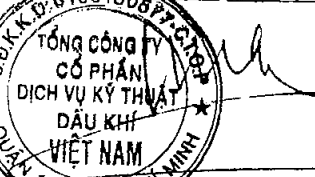
MẪU B 01-DN/HN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
			(Trình bày lại)	
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		14.562.178.949.277	15.728.723.327.457
I. Nợ ngắn hạn	310		9.872.435.220.921	11.506.376.906.451
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	4.355.312.301.426	5.111.786.817.079
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		987.427.659.341	1.060.268.509.195
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	21	175.425.464.475	424.856.260.805
4. Phải trả người lao động	314		443.398.334.923	424.254.456.352
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22	1.779.598.558.385	2.291.794.091.814
6. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		20.520.328.878	-
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		11.613.862.192	14.952.901.201
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	23	1.038.096.538.745	1.170.292.053.321
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24	684.347.404.258	751.764.086.591
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		83.201.867.977	37.171.638.955
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		293.492.900.321	219.236.091.138
II. Nợ dài hạn	330		4.689.743.728.356	4.222.346.421.006
1. Phải trả người bán dài hạn	331	20	66.267.935.109	132.535.870.219
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		1.226.805.535.537	1.029.858.268.584
3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		221.204.931.276	2.242.606.886
4. Phải trả dài hạn khác	337	23	203.242.385	636.932.135
5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	25	1.563.412.865.200	1.827.999.608.092
6. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	26	282.883.021.027	107.157.361.894
7. Dự phòng phải trả dài hạn	342	27	1.280.954.820.004	1.092.112.627.098
8. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		48.011.377.818	29.803.146.098
D. NGUỒN VỐN	400		11.874.874.037.617	10.954.934.540.450
I. Vốn chủ sở hữu	410	28	11.874.874.037.617	10.954.934.540.450
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		4.467.004.210.000	4.467.004.210.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		4.467.004.210.000	4.467.004.210.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		39.545.660.000	39.545.660.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.418.539.906.053	1.847.210.152.285
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.326.188.546.305	3.159.343.755.210
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.831.264.703.174	1.180.547.013.915
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		1.494.923.843.131	1.978.796.741.295
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	30	1.623.595.715.259	1.441.830.762.955
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		26.637.982.986.894	26.683.657.867.907


 Nguyễn Quang Chánh
 Người lập biểu


 Nguyễn Xuân Cường
 Kế toán trưởng




 Phan Thành Tùng
 Tổng Giám đốc
 Ngày 21 tháng 3 năm 2016
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014	
			2015	(Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	32	23.356.897.865.989	31.704.046.085.934
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	32	23.356.897.865.989	31.704.046.085.934
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	33	21.181.966.606.269	29.109.644.578.512
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 =10-11)	20		2.174.931.259.720	2.594.401.507.422
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	35	377.947.935.838	218.211.425.598
6. Chi phí tài chính	22	36	378.085.339.930	193.415.402.193
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		70.937.160.828	95.491.794.579
7. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24	37	753.186.652.840	543.824.853.736
8. Chi phí bán hàng	25	38	98.571.639.097	116.107.066.644
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	38	896.467.983.169	708.908.058.045
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		1.932.940.886.202	2.338.007.259.874
11. Thu nhập khác	31	39	144.558.270.036	226.676.721.808
12. Chi phí khác	32	40	62.419.150.229	20.694.364.339
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		82.139.119.807	205.982.357.469
14. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		2.015.080.006.009	2.543.989.617.343
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	41	350.424.712.724	451.143.350.776
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	26	171.116.435.819	101.655.443.589
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		1.493.538.857.466	1.991.190.822.978
18. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		1.517.394.760.704	1.974.763.911.955
19. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	30	(23.855.903.238)	16.426.911.023
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	42	3.089	3.927

Nguyễn Quang Chánh
 Người lập biểu

Nguyễn Xuân Cường
 Kế toán trưởng



Phan Thanh Tùng
 Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2016

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 61 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	31/12/2014	
		31/12/2015	(Trình bày lại)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	2.015.080.006.009	2.543.989.617.343
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	904.020.669.964	982.740.876.328
Các khoản dự phòng	03	336.524.471.771	(3.588.290.854)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	45.086.595.470	19.124.728.474
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(947.048.021.972)	(697.972.818.277)
Chi phí lãi vay	06	70.937.160.828	95.491.794.579
Các khoản điều chỉnh khác	07	18.208.231.720	-
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	2.442.809.113.790	2.939.785.907.593
Thay đổi các khoản phải thu	09	2.428.839.727.683	(301.892.191.003)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(677.968.559.417)	(211.537.729.382)
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1.999.111.919.808)	2.170.024.140.768
Thay đổi chi phí trả trước	12	(67.638.283.727)	(59.552.492.743)
Tiền lãi vay đã trả	14	(76.563.627.232)	(102.733.432.479)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(442.942.805.801)	(509.399.228.960)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	5.546.411.696	16.293.404.013
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(185.478.789.954)	(179.574.281.572)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	1.427.491.267.230	3.761.414.096.235
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua và xây dựng tài sản cố định	21	(772.995.240.381)	(269.873.037.894)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	5.598.152.126	9.237.911.657
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(867.070.000.000)	(4.110.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	793.484.145.852	36.197.370.505
5. Đầu tư vào các công ty khác và đầu tư dài hạn khác	25	(38.412.998.000)	(36.571.200.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	47.524.303.246	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	158.688.237.098	140.878.011.344
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(673.183.400.059)	(124.240.944.388)

PHÁP NHÂN

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 61 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

Handwritten signature

Handwritten mark

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU

Mã số

31/12/2015

31/12/2014

(Trình bày lại)

III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

1. Tiền thu từ đi vay	33	358.910.191.041	28.594.428.783
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(786.478.291.675)	(774.463.151.130)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(578.772.068.210)	(573.205.286.335)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(1.006.340.168.844)</i>	<i>(1.319.074.008.682)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(252.032.301.673)	2.318.099.143.165
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	8.194.248.685.277	5.856.522.432.948
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	54.453.370.476	19.627.109.164
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	7.996.669.754.080	8.194.248.685.277

Nguyễn Quang Chánh
Người lập biểu

Nguyễn Xuân Cường
Kê toán trưởng



Phan Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2016

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 61 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con được gọi chung là “Tổng công ty”) được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015198 cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 6 số 0100150577 ngày 22 tháng 5 năm 2014 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Cổ phiếu của Tổng công ty được niêm yết chính thức tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 20 tháng 9 năm 2007 với mã chứng khoán là PVS. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Tập đoàn”) là cổ đông chính và là công ty mẹ của Tổng công ty.

Tổng số nhân viên của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 9.655 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 9.004 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Kinh doanh dịch vụ dầu khí; Quản lý, kinh doanh, Khai thác các tàu dịch vụ dầu khí; Dịch vụ căn cứ Cảng; Dịch vụ cung ứng tàu biển, dịch vụ kiểm đếm và giao nhận vận chuyển hàng hóa; Quản lý kinh doanh và Khai thác các tàu chưa dầu (FSO), tàu chứa và xử lý dầu (FPSO); Quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động trong lĩnh vực cơ khí hàng hải; Gia công, lắp ráp, chế tạo các cấu kiện, thiết bị dầu khí; Chế tạo và lắp đặt các loại bể chứa xăng dầu, khí hóa lỏng và các loại đường ống dẫn dầu, dẫn khí; Sửa chữa tàu biển và các công trình dầu khí biển; Dịch vụ khảo sát địa vật lý, địa chất công trình, dịch vụ lặn, khảo sát bằng thiết bị ROV phục vụ công tác tìm kiếm, thăm dò, Khai thác dầu khí và các công trình công nghiệp, dân dụng; Bảo dưỡng, sửa chữa, đóng mới, hoán cải các phương tiện nổi; Xuất nhập khẩu thiết bị và vật tư dầu khí; Sản xuất, cung cấp vật tư thiết bị dầu khí; Cung cấp lao động chuyên ngành dầu khí; Dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình Khai thác dầu khí; Kinh doanh khách sạn, nhà ở, văn phòng làm việc và dịch vụ sinh hoạt dầu khí; Kinh doanh các sản phẩm dầu khí; Dịch vụ đại lý tàu biển và môi giới hàng hải; Dịch vụ thuê tàu, môi giới tàu biển, lai dắt tàu biển và cứu hộ; sản xuất mua bán các sản phẩm dầu khí, phân đạm và hóa chất phục vụ nông nghiệp (trừ hóa chất Nhà nước cấm)...

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam có 7 Chi nhánh trực thuộc, 12 Công ty con và 6 Công ty liên doanh, liên kết như sau:

Chi nhánh:

- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam tại Hà Nội
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Xây dựng PTSC
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Dự án Nhiệt điện Long Phú
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Quảng Bình.

25/12/2015
N
K
H
Đ
T
T

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Công ty con:

- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát Công trình ngầm PTSC
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC
- Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC CGGV
- Công ty TNHH MTV Khách sạn Dầu khí PTSC
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC
- Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa
- Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ
- Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu Khí Sao Mai – Bến Đình

Công ty liên doanh, liên kết:

- Công ty Liên doanh Rồng Đồi MV12
- Công ty Liên doanh Malaysia Vietnam Offshore Limited
- Công ty Liên doanh Vietnam Offshore Terminal Limited
- Công ty Liên doanh PTSC South East Asia Pte. Limited
- Công ty Liên doanh PTSC Asia Pacific Pte. Limited
- Công ty Cổ phần chế tạo Giàn khoan Dầu khí

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Tổng công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 202”), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

02
AN
TY
HUI
TT
AN
0001
IG C
P
M
ĐAU
IET
TP.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI****Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TRÌNH BÀY LẠI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM TRƯỚC

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được trình bày lại để thực hiện các điều chỉnh theo yêu cầu của Kiểm toán Nhà nước tại Báo cáo kiểm toán ngày 25 tháng 02 năm 2016. Những thay đổi trong một số khoản mục của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được thể hiện trong bảng sau:

Tên chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014		
		Số đã báo cáo VND	Số trình bày lại theo KINN VND	Thay đổi thuần (tăng)/giảm VND
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT				
I. Tài sản				
1. Phải thu khách hàng	131	5.646.895.381.826	5.853.568.751.986	206.673.370.160
2. Các khoản phải thu khác	135	1.719.315.800.084	1.726.184.077.282	6.868.277.198
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	(41.278.386.517)	(40.544.560.242)	733.826.275
4. Hàng tồn kho	141	903.248.770.304	930.612.003.570	27.363.233.266
5. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	46.904.669.115	48.859.148.465	1.954.479.350
6. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	174.003.277.948	173.928.156.852	(75.121.096)
7. Tài sản cố định vô hình	227	25.601.411.271	26.882.427.438	1.281.016.167
- Nguyên giá	228	58.824.135.445	60.166.827.445	1.342.692.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(33.222.724.174)	(33.284.400.007)	(61.675.833)
8. Chi phí trả trước dài hạn	261	652.105.153.551	652.523.086.884	417.933.333
II. Nguồn vốn				
1. Phải trả người bán	312	5.118.264.822.271	5.111.786.817.079	(6.478.005.192)
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	352.909.921.821	424.856.260.805	71.946.338.984
3. Chi phí phải trả	316	2.257.413.411.257	2.328.965.730.769	71.552.319.512
4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	1.173.182.888.149	1.170.292.053.321	(2.890.834.828)
5. Dự phòng phải trả dài hạn	337	1.148.486.853.990	1.092.112.627.098	(56.374.226.892)
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420	2.998.016.072.265	3.159.343.755.210	161.327.682.945
7. Lợi ích cổ đông thiểu số	439	1.435.697.022.831	1.441.830.762.955	6.133.740.124

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

		2014		
Mã số	Số đã báo cáo VND	Số trình bày lại theo KTNN VND	Thay đổi thuần (tăng)/giảm VND	
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT				
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01 31.516.161.203.972	31.704.046.085.934	187.884.881.962	
2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11 29.070.471.588.799	29.109.644.578.512	39.172.989.713	
3. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25 710.659.081.658	708.908.058.045	(1.751.023.613)	
4. Thu nhập khác	31 160.933.654.896	226.676.721.808	65.743.066.912	
5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51 402.398.791.071	451.143.350.776	48.744.559.705	
6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70 4.060	3.927	(133)	
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT				
Lợi nhuận trước thuế	01 2.327.783.634.569	2.543.989.617.343	216.205.982.774	
Khấu hao tài sản cố định	02 982.679.200.495	982.740.876.328	61.675.833	
Các khoản dự phòng	03 16.348.123.358	(3.588.290.854)	(19.936.414.212)	
Thay đổi các khoản phải thu	09 (88.425.664.741)	(301.892.191.003)	(213.466.526.262)	
Thay đổi hàng tồn kho	10 (184.174.496.116)	(211.537.729.382)	(27.363.233.266)	
Thay đổi các khoản phải trả	11 1.583.132.549.994	2.170.024.140.768	586.891.590.774	
Thay đổi chi phí trả trước	12 (57.180.080.060)	(59.552.492.743)	(2.372.412.683)	
Tiền chi mua và xây dựng tài sản cố định	21 (268.530.345.894)	(269.873.037.894)	(1.342.692.000)	

5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số liệu thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

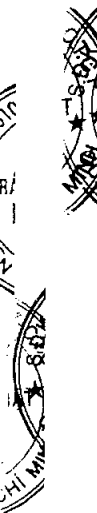
Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong Tổng công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty mẹ và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty mẹ lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, các khoản góp vốn liên doanh được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty mẹ vào phần tài sản thuần của công ty liên doanh sau ngày góp vốn vào công ty liên doanh.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, đầu tư tài chính, phải thu khách hàng và phải thu khác, phải thu về cho vay, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính.

MAH



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng công ty bao gồm các phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, dự phòng phải trả, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

002
NH
CY
HUU
TE
AM
SC
2018
3 CỘ
Ồ PH
U KỲ
ĐAU
ÉT
TP. H

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được phê duyệt. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 40
Máy móc, thiết bị	3 - 20
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10
Tài sản khác	4 - 14

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và các loại phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất lâu dài theo quy định hiện hành thì không tính khấu hao. Phần mềm máy tính được khấu hao trong thời gian 3 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm cơ sở hạ tầng do Tổng công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm quyền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền thuê văn phòng, chi phí thiết bị sửa chữa, giá trị còn lại của tài sản cố định không đủ tiêu chuẩn theo Thông tư số 45 và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo thời gian sử dụng của lô đất.

Tiền thuê văn phòng trả trước liên quan đến việc thuê văn phòng Tổng công ty tại tòa nhà số 1-5 Lê Duẩn với thời hạn 50 năm bắt đầu từ tháng 10 năm 2010. Tổng công ty phân bổ khoản tiền thuê này vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo thời gian thuê và diện tích sử dụng hàng năm.

Các chi phí trả trước khác bao gồm các công cụ dụng cụ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các khoản chi phí trả trước khác được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Tổng công ty là bên cho thuê

Doanh thu từ các khoản cho thuê hoạt động được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Chi phí trực tiếp phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tổng công ty là bên đi thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu khi ký hợp đồng thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

DU
G C
O P
VỤ K
DẦU
LIẾT
P. I

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng công ty có quyền nhận khoản lãi (trừ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh).

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Tổng công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng tài sản cố định cho năm tài chính trước khi được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản (được vốn hóa); chi phí đi vay phát sinh sau khi tài sản đã đưa vào sử dụng, kinh doanh được ghi nhận vào chi phí trong năm. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

12501

HI NH
ONG
NHIEU
LOI
T N

TP. HO CHI MINH

ONG
CO
VU
DA
VI
T N

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	10.845.491.662	5.851.935.643
Tiền gửi ngân hàng	3.965.301.277.854	4.265.737.696.117
Tiền đang chuyển	6.756.783.667	235.943.187
Các khoản tương đương tiền	4.013.766.200.897	3.922.423.110.330
	<u>7.996.669.754.080</u>	<u>8.194.248.685.277</u>

Số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại trong nước có thời hạn gửi dưới 3 tháng với lãi suất từ 4%/năm đến 5,3%/năm.

7. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn lớn hơn 3 tháng và dưới 1 năm với lãi suất được hưởng từ 5,3% đến 6,6%/năm.

8. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	(Trình bày lại) <u>VND</u>
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	610.194.370.810	1.228.246.991.813
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1	483.710.619.276	442.519.421.436
Phải thu khách hàng khác	3.135.776.585.945	4.182.802.338.737
	<u>4.229.681.576.031</u>	<u>5.853.568.751.986</u>

503
HÀNG
Y
K
NAM
6 C
5067
ÔNG T
HÀNG
KỸ THU
NAM
HỒ CH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***9. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2015		31/12/2014 (Trình bày lại)	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1 (i)	12.575.464.419	-	587.655.082.100	-
Tổ hợp nhà thầu JGCS (ii)	160.751.821.743	-	99.000.802.393	-
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch (iii)	230.819.875.570	-	230.819.875.570	-
Công ty Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất (iv)	124.740.417.492	-	124.740.417.492	-
Văn Phòng Điều Hành Idemitsu Kosan Co., Ltd tại TP. HCM (Lô 39&40/02) (v)	179.567.269.713	-	-	-
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn	90.847.767.158	-	52.345.374.030	-
Malaysia Vietnam Offshore Terminal Limited (vi)	77.003.500.000	-	1.000.584.000	-
Thuế GTGT chưa được khấu trừ	67.529.647.074	-	66.692.831.979	-
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) (vii)	40.811.003.545	-	16.850.156.471	-
Văn Phòng Điều Hành Eni Việt Nam B.V. Tại TP.Hồ Chí Minh	13.900.487.576	-	-	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	14.265.945.718	-	5.536.232.124	-
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	12.624.211.512	-	2.322.297.651	-
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước (viii)	5.925.839.415	-	1.730.764.700	-
Công ty TNHH Dầu khí Việt Nhật	14.151.516.545	-	5.013.338.694	-
Công ty Saipem Asia Sdn Bhd	7.033.848.822	-	11.691.853.169	-
Công ty Điều hành chung Lam Sơn	5.618.032.041	-	8.456.605.641	-
Ký cược, ký quỹ	23.557.303.823	-	35.870.747.107	-
Talisman Malaysia Limited	20.293.373.860	-	56.924.499.844	-
Công ty Liên doanh PTSC Asia Pacific Pte Ltd	-	-	89.385.784.972	-
Văn phòng điều hành tại TP.HCM - Pearl Oil (Tephrite) Limited	-	-	171.155.857.061	-
Công ty SK Engineering & Construction Co., Ltd	-	-	28.743.632.143	-
Văn phòng điều hành Murphy Nha Trang Oil Co., Ltd	-	-	10.298.289.965	-
Phải thu thuế nộp hộ khách hàng	-	-	17.304.895.757	-
Văn phòng điều hành Công ty TNHH Origin Energy (Song Hong) - Lô 121	-	-	9.540.977.852	-
TL Offshore Sdn Bhd	-	-	9.990.954.859	-
Phải thu khác	40.538.799.150	-	178.657.440.791	-
	1.142.556.125.176	-	1.821.729.296.365	-
b) Dài hạn				
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông (viii)	11.516.550.273	-	11.516.550.273	-
Ký cược, ký quỹ	3.131.717.694	-	5.146.882.778	-
Phải thu khác	5.763.937.500	-	8.319.880.994	-
	20.412.205.467	-	24.983.314.045	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

- (i) Khoản phải thu từ Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1 - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam bao gồm khoản phải thu từ doanh thu trích trước theo tiến độ hoàn thành mốc 8 của hợp đồng EPC – Các hạng mục công trình phục vụ cho thi công giai đoạn 1 cho Nhà máy Nhiệt điện Long Phú.
- (ii) Khoản phải thu ngắn hạn Tổ hợp nhà thầu JGCS là khoản phải thu trích trước doanh thu dịch vụ thực hiện các gói thầu UGPX, Tank 04, SFF2 thuộc dự án Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn.
- (iii) Phải thu ngắn hạn khác từ Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch thể hiện khoản phải thu liên quan đến việc chuyển giao giá trị xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Nhà máy Đóng tàu Đặc chủng Nhơn Trạch mà Tổng công ty nhận bàn giao từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Tập đoàn”) theo Nghị quyết số 7090/NQ-DKVN ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Tập đoàn và Nghị quyết số 2047/NQ-DVKT-HDQT ngày 05 tháng 7 năm 2011 của Tổng công ty. Khoản phải thu này có thể được điều chỉnh và được bù trừ với khoản công nợ phải trả liên quan đến dự án này cho Tập đoàn sau khi việc chuyển nhượng dự án Nhà máy Đóng tàu Đặc chủng Nhơn Trạch được phê duyệt chính thức.
- (iv) Phải thu ngắn hạn khác từ Công ty Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất là khoản phải thu về việc chuyển nhượng 15 triệu cổ phần sơ hữu tại Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch (trước đây là Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Phương tiện nổi PTSC). Khoản phải thu này có thể được bù trừ với khoản công nợ phải trả liên quan đến dự án này cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam sau khi việc chuyển nhượng dự án Nhà máy Đóng tàu Đặc chủng Nhơn Trạch được phê duyệt chính thức.
- (v) Phải thu ngắn hạn khác từ Văn Phòng Điều Hành Idemitsu Kosan Co., Ltd tại Thành Phố Hồ Chí Minh là những khoản trích trước doanh thu cho dự án Idemitsu tàu AMA tháng 12 năm 2015.
- (vi) Khoản phải thu ngắn hạn Malaysia Vietnam Offshore Terminal Limited chủ yếu là khoản phải thu về cổ tức được chia của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo thông báo của Malaysia Vietnam Offshore Terminal Limited.
- (vii) Phải thu ngắn hạn khác từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Công ty TNHH Một Thành Viên Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước là những khoản trích trước doanh thu của dịch vụ khảo sát địa chấn 2D/3D đã thực hiện trong quý 4 năm 2015.
- (viii) Phải thu dài hạn khác từ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn Thông là khoản phải thu mà Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC đã chi hệ liên quan đến dự án Bio Ethanol từ năm 2011.

0160
CÔNG
PHÍ
KỸ
DẦU KHÍ
VIỆT
NAM
TP. H

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		31/12/2014 (Trình bày lại)	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	25.661.984.631	-	3.034.660.599	-
Nguyên liệu, vật liệu	75.506.120.923	(5.696.915.149)	147.919.120.379	(4.658.260.820)
Công cụ, dụng cụ	43.569.400.889	-	16.863.138.359	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	1.046.524.633.778	-	418.694.604.070	-
Hàng hóa	4.515.397.525	-	5.804.578.983	-
	1.195.777.537.746	(5.696.915.149)	592.316.102.390	(4.658.260.820)

(*) Chi tiết chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang như sau:

	31/12/2015		31/12/2014 (Trình bày lại)	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Dự án Sư Tử Trắng Full Field	535.463.865.959	535.463.865.959	-	-
Dự án Maharaja Lela South (MLS)	143.146.645.256	143.146.645.256	142.716.040.090	142.716.040.090
Dự án PVN Tie-lines	86.967.265.455	86.967.265.455	-	-
Dự án Khí Thấp áp PTSC-PVGas	64.164.153.447	64.164.153.447	-	-
Dự án Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn - Gói Jetty	43.686.567.588	43.686.567.588	196.457.882	196.457.882
Dự án Chế tạo cầu kiện cho Sapura	21.761.976.344	21.761.976.344	-	-
Dự án Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn -Gói SMP9	37.493.934.879	37.493.934.879	11.136.658.756	11.136.658.756
Dự án Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn - Kết cấu thép SSF2	22.828.786.197	22.828.786.197	21.513.176	21.513.176
Dự án Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn - Gói Tank	9.698.679.483	9.698.679.483	197.806.306	197.806.306
Dự án Thái Bình Hàm Rồng	1.193.226.209	1.193.226.209	134.366.618.652	134.366.618.652
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú	518.115.454	518.115.454	209.988.731	209.988.731
Dự án Ruby A Gaslift	-	-	10.744.625.541	10.744.625.541
Dịch vụ sửa chữa thay thế xích neo cho Mỏ Đại Hùng	-	-	13.317.849.342	13.317.849.342
Dự án nạo vét Cảng Nghi Sơn Khác	-	-	15.984.472.469	15.984.472.469
	79.601.417.507	79.601.417.507	89.802.573.125	89.802.573.125
	1.046.524.633.778	1.046.524.633.778	418.694.604.070	418.694.604.070

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 5.696.915.149 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 4.658.260.820 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
 HỒ CHÍ MINH
 Ô C

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015	31/12/2014
	(VND)	(Trình bày lại) (VND)
a) Ngắn hạn		
Chi phí thiết bị tàu Bình Minh 02 và CGG Amadues	4.789.313.798	10.853.590.063
Chi phí bảo hiểm tàu FPSO Ruby II	4.568.862.973	4.523.678.761
Chi phí di chuyển tàu	-	14.929.137.921
Chi phí trả trước về công cụ, dụng cụ	6.424.673.304	-
Chi phí sửa chữa tàu PTSC	-	2.114.225.372
Chi phí trả trước về tiền bảo hiểm	2.105.904.819	-
Chi phí trả trước khác	5.464.693.236	16.438.516.348
	23.353.448.130	48.859.148.465
b) Dài hạn		
Thuê văn phòng tại số 1-5 Lê Duẩn (i)	308.895.368.087	313.390.953.975
Thuê đất tại Khu kinh tế Đình Vũ (ii)	120.762.280.007	124.616.395.331
Chi phí vật tư, thiết bị tàu CGG Amadeus, Bình Minh 02 (iii)	112.252.844.716	123.310.141.986
Chi phí sửa chữa tàu PTSC Researcher 106	9.916.260.348	13.882.764.492
Chi phí giải phóng mặt bằng tại Cảng Sơn Trà	105.042.820.015	-
Chi phí sửa chữa bảo dưỡng khác chờ phân bổ	40.327.860.499	-
Chi phí trước hoạt động tàu FPSO Lam Sơn	24.914.233.081	42.536.101.769
Giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ	6.471.403.674	642.441.361
Chi phí sửa chữa tàu Bình Minh 02	-	6.436.940.821
Chi phí trang thiết bị, dụng cụ nội thất văn phòng mới	-	7.087.084.058
Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác	17.462.269.556	20.620.263.091
	746.045.339.983	652.523.086.884

- (i) Khoản trả trước tiền thuê văn phòng tại số 1-5 Lê Duẩn bắt đầu từ tháng 10 năm 2010, thời hạn thuê 50 năm. Tổng công ty phân bổ khoản tiền thuê này vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo thời gian thuê và diện tích sử dụng hàng năm.
- (ii) Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ đã thực hiện thuê 138.269 m² đất tại Khu kinh tế Đình Vũ - Hải Phòng của Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đình Vũ (nay là Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Đình Vũ) với mục đích đầu tư xây dựng Căn cứ Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí và Cảng phục vụ Khu Công nghiệp. Thời hạn thuê đất từ tháng 10 năm 2007 đến tháng 4 năm 2047. Giá trị quyền sử dụng đất thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ tháng 7 năm 2008 đến hết thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- (iii) Chi phí vật tư, thiết bị tàu CGG Amadues, Bình Minh 02 thể hiện các khoản chi phí sửa chữa, bảo trì các thiết bị trên tàu CGG Amadues và Bình Minh 02. Chi phí thiết bị được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ 2 năm đến 6 năm.

MOH



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***12. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

Khoản thu về cho vay thể hiện khoản cho vay Công ty Liên doanh Rông Đồi MV12 được hưởng lãi suất BBA LIBOR cộng biên độ cố định và sẽ được hoàn trả hết vào ngày 30 tháng 9 năm 2016. Khoản cho vay nói trên được thực hiện theo thỏa thuận của Hợp đồng số 235-2006/PTSC-TCKT/MDV ngày 22 tháng 11 năm 2006 với Công ty Liên doanh Rông Đồi MV Pte, Ltd., đây là khoản vay tín chấp và không có bảo đảm. Mục đích của khoản cho vay này nhằm cung cấp vốn đóng mới tàu "Rông Đồi MV12" (FSO).

Chi tiết khoản phải thu về cho vay được trình bày như sau:

	31/12/2015		31/12/2014	
	USD	Tương đương VND	USD	Tương đương VND
a) Phải thu về cho vay ngắn hạn				
Công ty Liên doanh Rông Đồi MV12	1.280.960	28.757.555.368	1.707.947	36.515.902.584
	1.280.960	28.757.555.368	1.707.947	36.515.902.584
b) Phải thu về cho vay dài hạn				
Công ty Liên doanh Rông Đồi MV12	-	-	1.280.960	27.386.928.007
	-	-	1.280.960	27.386.928.007
	1.280.960	28.757.555.368	2.988.907	63.902.830.591



3015

 G. C. I. N. H. H.
 S. N.
 G. C. O. N.
 O. P. H.
 V. U. K. Y.
 D. A. U.
 K. H. I.
 V. I. E. T.
 T. P. H.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2015	3.022.134.219.158	1.437.721.867.883	6.100.884.724.229	108.773.059.516	4.795.762.333	10.674.309.633.119
Mua sắm trong năm	289.288.859	181.821.010.552	424.142.137.396	19.109.228.047	675.274.785	626.036.939.639
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	95.624.836.766	10.404.624.314	-	397.592.636	5.773.303.410	112.200.357.126
Tăng do mua bán, chuyển đổi hình thức sở hữu	197.674.815.458	4.264.795.716	44.166.502.528	619.425.099	21.044.746.737	267.770.285.538
Tăng khác	3.376.504.403	21.599.003.778	-	-	-	24.975.508.181
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.558.237.530)	(23.726.185.201)	(2.954.296.266)	-	(28.238.718.997)
Giảm khác	-	-	(23.525.910.072)	(111.200.000)	-	(23.637.110.072)
Tại ngày 31/12/2015	3.319.099.664.644	1.654.253.064.713	6.521.941.268.880	125.833.809.032	32.289.087.265	11.653.416.894.534
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2015	1.514.072.476.794	726.352.188.261	3.753.051.784.162	77.938.794.859	1.671.985.008	6.073.087.229.084
Trích khấu hao trong năm	173.353.563.564	192.286.435.012	503.786.373.006	18.407.250.223	1.996.355.672	889.829.977.477
Tăng do mua bán, chuyển đổi hình thức sở hữu	4.777.780.542	1.069.892.995	8.084.334.218	465.319.477	9.277.703.836	23.675.031.068
Tăng khác	-	18.561.048.175	-	-	-	18.561.048.175
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.889.927.258)	(24.813.385.201)	(2.996.796.266)	-	(29.700.108.725)
Giảm khác	(3.004.607.428)	-	(20.748.326.480)	(68.700.000)	-	(23.821.633.908)
Tại ngày 31/12/2015	1.689.199.213.472	936.379.637.185	4.219.360.779.705	93.745.868.293	12.946.044.516	6.951.631.543.171
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2015	1.629.900.451.172	717.873.427.528	2.302.580.489.175	32.087.940.739	19.343.042.749	4.701.785.351.363
Tại ngày 31/12/2014	1.508.061.742.364	711.369.679.622	2.347.832.940.067	30.834.264.657	3.123.777.325	4.601.222.404.035

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Cơ sở hạ tầng
	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2015	-
Tăng do mua bán, chuyển đổi hình thức sở hữu	229.280.786.454
Tại ngày 31/12/2015	<u>229.280.786.454</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2015	-
Tăng do mua bán, chuyển đổi hình thức sở hữu	24.636.014.763
Khấu hao trong năm	2.367.635.928
Tại ngày 31/12/2015	<u>27.003.650.691</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2015	<u>202.277.135.763</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>-</u>

Tài sản tăng do mua bán, chuyển đổi hình thức sở hữu thể hiện tài sản cố định của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình theo Nghị quyết số 53/NQ-DVKT-HĐQT ngày 27 tháng 01 năm 2015 về thực hiện tái cấu trúc của Tổng công ty. Theo đó, Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình chính thức trở thành công ty con của Tổng công ty kể từ ngày 17 tháng 7 năm 2015.

Chi tiết nguyên giá bất động sản đầu tư của Tổng công ty như sau:

	31/12/2015
	<u>VND</u>
Dự án Cơ sở hạ tầng - 39,8 hectare (i)	131.881.668.267
Dự án Cơ sở hạ tầng - 23 hectare (ii)	97.399.118.187
	<u>229.280.786.454</u>

(i) Bất động sản đầu tư thể hiện cơ sở hạ tầng và diện tích đất 39,8 ha tại Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình của dự án Sao Mai Bến Đình đã hoàn thành năm 2009 và sau đó được thuê bởi Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí từ năm 2010. Bất động sản đầu tư này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê là 48 năm.

(ii) Bất động sản đầu tư thể hiện cơ sở hạ tầng và diện tích đất 23 ha tại Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình của dự án Sao Mai - Bến Đình được thuê bởi Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí năm 2010. Bất động sản đầu tư này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 49 năm.

Tiền thuê Tổng công ty thu được từ việc cho thuê bất động sản đầu tư (toàn bộ bất động sản đầu tư được cho thuê theo hình thức thuê hoạt động) là 5.203.799.784 VND (năm 2014: 5.203.799.784 VND). Chi phí trực tiếp cho hoạt động kinh doanh phát sinh từ bất động sản đầu tư trong năm là 4.735.271.856 VND (năm 2014: 4.735.271.856 VND).

508
NG
I
Y T
KH
I
5 C
001
G C
O P
V U K
D A U
V I E T
T P.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09a - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn				
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú	301.308.440.489	301.308.440.489	274.173.592.409	274.173.592.409
Dự án Bio Ethanol	68.370.454.546	68.370.454.546	64.070.272.727	64.070.272.727
	369.678.895.035	369.678.895.035	338.243.865.136	338.243.865.136

b) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Cải tạo Nhà hàng tầng 1 Khách sạn Dầu khí	17.995.830.691	-
Máy phát điện 100KVA	4.740.000.000	-
Dự án xây dựng căn cứ Hàng hải Sao Mai- Bến Đình	15.258.780.716	-
Dự án khu dịch vụ Dầu khí 35 ha - Sao Mai Bến Đình	2.718.983.969	-
PTSC Tower Vũng Tàu	-	8.620.653.020
Cầu tháp 16 tấn số 03	-	4.039.334.818
Văn phòng làm việc PTSC Hà Nội	-	2.784.490.476
Đầu tư xây dựng mở rộng cầu Cảng Đình Vũ	-	3.444.071.479
Cải tạo xử lý nước thải KSDK Vũng Tàu	-	1.047.770.000
Đầu tư Bến số 2- Cảng Tổng hợp Dung Quất	-	51.440.892.500
Hệ thống thu gom và trạm xử lý nước thải tập trung	-	15.746.865.753
Dự án nâng cấp cầu Cảng PTSC Thanh Hóa	-	2.105.470.000
Nâng cấp cầu cảng, nhà kho tại Cảng Hòn La	-	505.871.968
Máy chủ hệ thống quản lý văn bản tài liệu	-	415.450.000
Xây dựng cơ bản dở dang khác	14.028.455.089	1.168.574.649
	54.742.050.465	91.319.444.663



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Tên công ty con	Địa điểm	Tỷ lệ sở hữu %		Hoạt động chính
		Theo giấy phép đầu tư	Theo vốn thực góp	
Công ty TNHH MTV Dịch vụ cơ khí Hàng hải PTSC	Việt Nam	100,00	100,00	Dịch vụ chế tạo, lắp đặt công trình dầu khí
Công ty TNHH MTV Khách sạn Dầu khí PTSC	Việt Nam	100,00	100,00	Dịch vụ khách sạn
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC	Việt Nam	100,00	100,00	Dịch vụ khảo sát và công trình ngầm
Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC CGGV	Việt Nam	51,00	51,00	Dịch vụ thu nhận dữ liệu địa chấn 2D, 3D
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	Việt Nam	95,19	95,19	Thương mại, xây dựng
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC	Việt Nam	84,95	84,95	Vận hành và bảo dưỡng công trình dầu khí
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	Việt Nam	54,69	54,69	Dịch vụ căn cứ cảng
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đĩnh Vũ	Việt Nam	51,00	51,00	Dịch vụ căn cứ cảng
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	Việt Nam	51,00	51,00	Dịch vụ khai thác kho chứa nổi FSO, FPSO
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	Việt Nam	59,61	59,61	Dịch vụ căn cứ cảng
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam (i)	Việt Nam	51,00	60,80	Dịch vụ dầu khí
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đĩnh (ii)	Việt Nam	51,00	51,00	Dịch vụ căn cứ cảng

- (i) Theo giấy phép đăng ký kinh doanh thay đổi lần 08 ngày 08 tháng 4 năm 2014, tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam (PV Security) là 51%, tương đương 15,30 tỷ đồng. Trong năm, các cổ đông khác của PV Security góp thêm 3,28 tỷ đồng. Theo đó, tỷ lệ vốn thực góp của Tổng công ty giảm từ 69,91% xuống còn 60,80% và tỷ lệ sở hữu của các cổ đông không kiểm soát tăng lên từ 30,09% đến 39,2%.

Vốn góp của các bên tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 25.165.800.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 21.885.800.000 đồng).

- (ii) Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đĩnh là công ty cổ phần được thành lập từ vốn góp của Tổng công ty, Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam và các cổ đông khác theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 49121000147 ngày 27 tháng 9 năm 2012 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp với vốn điều lệ là 500.000.000.000 đồng. Trong năm 2015, Tổng công ty đã đầu tư thêm 38.412.998.000 đồng để mua cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đĩnh và nâng tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đĩnh lên 51%. Theo đó, Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đĩnh chính thức trở thành công ty con của Tổng công ty kể từ ngày 17 tháng 7 năm 2015.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***18. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH**

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá trị khoản đầu tư gốc	2.479.809.740.787	2.820.333.240.787
Phần kết quả thuần từ các công ty liên kết, liên doanh:		
Lũy kế các năm trước	1.063.518.743.276	635.026.841.704
Lợi nhuận trong năm	753.186.652.840	543.824.853.736
Trừ: Cổ tức được chia trong năm	(130.021.500.000)	(111.215.970.000)
Điều chỉnh lợi nhuận các năm trước	-	(1.435.369.393)
	<u>4.166.493.636.903</u>	<u>3.886.533.596.834</u>

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết, liên doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Tên công ty	Địa điểm	Tỷ lệ sở hữu %		Hoạt động chính
		Theo giấy phép đầu tư	Theo vốn thực góp	
Công ty Liên doanh Rồng Đồi MV12	Singapore	33,00	33,00	Dịch vụ dầu khí
Công ty Liên doanh Malaysia Vietnam Offshore Terminal Limited (i)	Malaysia	49,00	49,00	Dịch vụ khai thác kho chứa nổi FSO, FPSO
Công ty Liên doanh Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited (ii)	Malaysia	60,00	60,00	Dịch vụ khai thác kho chứa nổi FSO, FPSO
Công ty Cổ phần chế tạo Giàn khoan Dầu khí	Việt Nam	28,75	28,75	Dịch vụ chế tạo, lắp đặt công trình dầu khí
Công ty Liên doanh PTSC South East Asia Pte Ltd (iii)	Singapore	51,00	51,00	Dịch vụ khai thác kho chứa nổi FSO, FPSO
Công ty Liên doanh PTSC Asia Pacific Pte Ltd (iv)	Singapore	51,00	51,00	Dịch vụ khai thác kho chứa nổi FSO, FPSO
Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Thị Vải (v)	Việt Nam	21,46	21,46	Bốc xếp hàng hóa, lưu giữ kho bãi và các dịch vụ hỗ trợ khác
Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp - Dịch vụ Dầu khí Sơn Trà (vi)	Việt Nam	-	-	Dịch vụ căn cứ cảng

- (i) Công ty Liên doanh Malaysia Vietnam Offshore Terminal Limited (gọi tắt là "MVOT") là Liên doanh đồng kiểm soát được thành lập giữa Tổng công ty và đối tác Malaysia International Shipping Corporation Berhad từ năm 2009 để đầu tư vào kho nổi FSO "Orkid" sức chứa 650.000 thùng dầu để cho khách hàng Talisman Malaysia Limited thuê trong vòng 10 năm, phục vụ khai thác dầu ngoài khơi tại khu vực chông lán thương mại PM-3 giữa Việt Nam và Malaysia. Kho nổi FSO "Orkid" đã đi vào hoạt động từ năm 2009.
- (ii) Công ty Liên doanh Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited là Liên doanh đồng kiểm soát được thành lập giữa Tổng công ty và đối tác Malaysia International Shipping Corporation Berhad từ năm 2009, trong đó Tổng công ty chiếm 60% vốn để sở hữu, quản lý, và khai thác kho nổi chứa dầu FPSO "Ruby II" phục vụ hoạt động thăm dò khai thác dầu khí của khách hàng Petronas. Từ tháng 6 năm 2010, kho nổi "FPSO Ruby II" đã bắt đầu hoạt động và đưa vào vận hành khai thác.
- (iii) Công ty Liên doanh PTSC South East Asia Pte Ltd (gọi tắt là "PTSC SEA") là Liên doanh đồng kiểm soát được thành lập trong tháng 9 năm 2011 bởi Tổng công ty cùng với đối tác Yinson Holdings Berhad (Malaysia) theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 474/BKHDT-DTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 31 tháng 10 năm 2011 để đầu tư đóng mới và cho thuê kho nổi chứa, xuất dầu (FSO) phục vụ Dự án Biển Đông 1. Dự án có tổng vốn đầu tư là 149.318.329 Đô la Mỹ, tương đương 3.071.478 triệu đồng, trong đó vốn góp là 37.329.582 Đô la Mỹ chiếm 25% vốn đầu tư, còn lại là vốn vay. Trong đó vốn góp của Tổng công ty là 19.038.087 Đô la Mỹ, tương đương 391.613 triệu đồng chiếm 51% vốn điều lệ. Hoạt động của liên doanh là đầu tư và sở hữu FSO "PTSC Biển Đông 01". PTSC SEA đã đi vào hoạt động từ năm 2011 và đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2015, Tổng công ty đã thực hiện góp vốn vào PTSC SEA là 16.320.000 Đô la Mỹ, tương đương 340.800.232.500 đồng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

- (iv) Công ty Liên doanh PTSC Asia Pacific Pte Ltd (gọi tắt là "PTSC AP") là Liên doanh đồng kiểm soát, được thành lập trong năm 2012 bởi Tổng công ty cùng đối tác Yinson Holding Berhad theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 561/BKHĐT-ĐTRNN ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để góp vốn đầu tư kinh doanh kho nổi chứa, xuất và xử lý dầu (FPSO) cho Công ty Điều hành chung Lam Sơn (Lam Sơn JOC) thuê phục vụ phát triển lô 01/97 và lô 02/97 thuộc vùng trũng Cửu Long tại vùng biển Việt Nam. Dự án có tổng vốn đầu tư là 429.977.481 Đô la Mỹ, tương đương 9.113.372.709.795 đồng, trong đó, vốn góp của các bên là 119.996.426 Đô la Mỹ chiếm 27,9% vốn đầu tư, còn lại là vốn vay. Trong đó, Tổng công ty góp là 61.198.177 Đô la Mỹ, tương đương 1.272.922.081.600 đồng chiếm 51% vốn điều lệ. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng công ty đã thực hiện góp vốn vào PTSC AP là 51.000.000 Đô la Mỹ, tương đương 1.069.026.300.000 đồng.
- (v) Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Thị Vải (gọi tắt là "Cảng Thị Vải") là một Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3502259121 ngày 21 tháng 7 năm 2014 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp với số vốn điều lệ đăng ký là 60.000.000.000 đồng. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Cảng Thị Vải, Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ nắm giữ 36% vốn điều lệ của Cảng Thị Vải. Theo quy định về cách tính tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ đối với các khoản đầu tư của công ty con, Tổng công ty gián tiếp sở hữu 21,46% vốn điều lệ của Cảng Thị Vải. Căn cứ vào nguyên tắc xác định quyền kiểm soát, tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ và cổ đông không kiểm soát nắm giữ trong công ty con của Thông tư số 202/2014/TT-BTC, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Cảng Thị Vải là công ty liên kết của Tổng công ty theo quy định.
- (vi) Ngày 24 tháng 11 năm 2015, Hội đồng Quản trị Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam đã ban hành Nghị quyết số 864/NQ-DVKT-HĐQT về việc chuyển đổi Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp - Dịch vụ Dầu khí Sơn Trà thành Công ty TNHH Một Thành viên. Ngày 15 tháng 12 năm 2015, Hội đồng Quản trị Tổng công ty đã ban hành Nghị quyết số 906/NQ-DVKT-HĐQT về việc giải thể Công ty TNHH MTV Cảng Tổng hợp - Dịch vụ Dầu khí Sơn Trà và bàn giao cho Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng công ty đã thực hiện thủ tục giải thể Công ty TNHH MTV Cảng Tổng hợp - Dịch vụ Dầu khí Sơn Trà và giao chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng tiếp nhận nguyên trạng toàn bộ Công ty TNHH MTV Cảng Tổng hợp - Dịch vụ Dầu khí Sơn Trà.

50
NI
IG
TH
A 01
H: ON
C
CH
V)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	31/12/2015			31/12/2014		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Cao cấp Dầu khí Việt Nam (i)	-	-	-	23.126.510.000	(15.032.231.500)	8.094.278.500
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam (i)	-	-	-	10.329.990.000	(10.329.990.000)	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (i)	10.000.000.000	(6.400.000.000)	3.600.000.000	10.000.000.000	(6.600.000.000)	3.400.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Nguồn nhân lực và Dịch vụ Dầu khí Việt Nam (i)	-	-	-	2.815.343.710	(2.815.343.710)	-
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương thức (ii)	-	-	-	47.011.200.000	-	47.011.200.000
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa tàu Dầu khí Nhơn Trạch	3.000.000.000	(468.757.619)	2.531.242.381	3.000.000.000	(485.276.668)	2.514.723.332
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	37.500.000.000	(6.338.584.061)	31.161.415.939	37.500.000.000	(3.313.977.844)	34.186.022.156
Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao	10.530.000.000	(10.530.000.000)	-	-	-	-
	61.030.000.000	(23.737.341.680)	37.292.658.320	133.783.043.710	(38.576.819.722)	95.206.223.988

(i) Theo Nghị quyết số 136/NQ-DVKT-HDQT ngày 04 tháng 02 năm 2015, Tổng công ty đã phê duyệt phương án tái cấu trúc Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Cao cấp Dầu khí Việt Nam, Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam, Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương và Công ty Cổ phần Phát triển Nguồn nhân lực và Dịch vụ Dầu khí Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng công ty đã thực hiện thoái vốn hoàn toàn 03 Công ty gồm: Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Cao cấp Dầu khí Việt Nam, Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam, Công ty Cổ phần Phát triển Nguồn nhân lực và Dịch vụ Dầu khí Việt Nam.

(ii) Theo Nghị quyết số 912/NQ-DVKT-HDQT ngày 18 tháng 12 năm 2015, Tổng công ty đã thoái vốn Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương thức cho các cổ đông bên ngoài theo hình thức bán cổ phiếu qua sàn của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Chi tiết biến động trong năm của các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Đầu tư dài hạn khác VND
Tại ngày 01/01/2014	36.021.866.132
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	2.554.953.590
Tại ngày 31/12/2014	38.576.819.722
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	11.038.668.464
Tăng do mua bán, chuyển đổi hình thức sở hữu	10.530.000.000
Hoàn nhập dự phòng	(661.957.589)
Bù đắp giá trị khoản đầu tư đã thoái vốn	(35.746.188.917)
Tại ngày 31/12/2015	23.737.341.680

Tăng do mua bán, chuyển đổi hình thức sở hữu thể hiện khoản lập dự phòng của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình theo Nghị quyết số 53/NQ-DVKT-HĐQT ngày 27 tháng 01 năm 2015 về thực hiện tái cấu trúc của Tổng công ty. Theo đó, Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình chính thức trở thành công ty con của Tổng công ty kể từ ngày 17 tháng 7 năm 2015.

20. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Liên doanh PTSC Asia Pacific Pte Ltd	416.809.680.000	416.809.680.000	343.917.686.258	343.917.686.258
TL Offshore Sdn. Bhd,	263.724.256.796	263.724.256.796	21.190.459.031	21.190.459.031
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	145.724.373.148	145.724.373.148	66.267.935.109	66.267.935.109
Phải trả khác	3.529.053.991.482	3.529.053.991.482	4.680.410.736.681	4.680.410.736.681
	4.355.312.301.426	4.355.312.301.426	5.111.786.817.079	5.111.786.817.079
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn				
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (i)	66.267.935.109	66.267.935.109	132.535.870.219	132.535.870.219

- (i) Phải trả dài hạn người bán thể hiện khoản công nợ liên quan đến giá trị chuyển nhượng tàu Bình Minh 02 từ Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí. Khoản nợ này được thanh toán đều trong vòng 8 năm với số tiền 66.267.935.110 đồng/năm, kể từ ngày 04 tháng 11 năm 2011 và kết thúc vào ngày 01 tháng 01 năm 2018.

100
 VG C
 SỞ P
 VỤ K
 DẦU
 KHÍ
 VIỆT
 P. H
 * M.S.C.
 50
 ONG
 HẢ
 KÝ
 KI
 N
 H

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	31/12/2015	31/12/2014
	(Trình bày lại)	(Trình bày lại)
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	10.126.900.479	91.928.069.364
Thuế xuất, nhập khẩu	-	17.268.174
Thuế thu nhập doanh nghiệp	99.109.437.000	202.281.625.017
Thuế thu nhập cá nhân	22.078.518.431	22.023.558.796
Các loại thuế khác	44.110.608.565	108.605.739.454
	<u>175.425.464.475</u>	<u>424.856.260.805</u>

Chi tiết tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế với Nhà nước theo từng loại thuế như sau:

	31/12/2014	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2015
	(Trình bày lại)	VND	VND	VND
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	91.928.069.364	488.458.731.782	570.259.900.667	10.126.900.479
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	156.142.017.595	156.142.017.595	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	171.850.793	171.850.793	-
Thuế xuất, nhập khẩu	17.268.174	24.164.216.999	24.181.485.173	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	151.650.896.574	350.424.712.724	442.942.805.801	59.132.803.497
Thuế thu nhập cá nhân	22.023.558.796	151.217.111.061	151.180.661.797	22.060.008.060
Thuế tài nguyên	-	421.516.268	421.516.268	-
Thuế nhà đất	25.463.787	10.056.455.401	5.868.432.405	4.213.486.783
Thuế môn bài	-	45.000.000	45.000.000	-
Các loại thuế khác	108.580.275.667	768.792.729.575	837.594.157.992	39.778.847.250
Các khoản khác	-	757.094.000	757.094.000	-
	<u>374.225.532.362</u>	<u>1.950.651.436.198</u>	<u>2.189.564.922.491</u>	<u>135.312.046.069</u>
Trong đó				
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	50.630.728.443			40.113.418.406
Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	424.856.260.805			175.425.464.475

KẾ TÍNH TOÁN
 SỐ TÍNH TOÁN
 SỐ TÍNH TOÁN
 SỐ TÍNH TOÁN

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	(Trình bày lại) VND
Dự án Biên Đông	299.504.178.883	561.646.278.222
Chi phí dự phòng Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1	231.128.430.307	147.505.000.000
Dự án Thái Bình Hàm Rồng	202.090.860.645	42.922.266.838
Dự án Hải Sư Trắng Đen	64.593.419.068	330.407.263.475
Giá vốn dịch vụ thực hiện cho Dự án Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn	90.715.795.761	130.755.252.186
Dự án Sư Tử Nâu	176.519.134.415	107.596.625.579
Chi phí thực hiện dịch vụ tàu CGG Amadeus, Bình Minh 02	97.166.073.548	103.586.367.328
Dự án Maharaja Lela South (MLS)	15.736.205.478	336.111.283.249
Chi phí công trình Nhà máy Nhiệt điện Long Phú I	52.438.032.663	96.572.281.670
Dự án khôi phục tầng giàn Công nghệ trung tâm Heera (HRD)	51.597.502.775	88.975.832.848
Giá vốn liên quan đến cung cấp dịch vụ cho Talisman	24.991.255.825	41.444.878.536
Giá vốn Dự án Nạo vét Cảng Nghi Sơn	10.740.479.804	37.146.692.300
Chi phí thuê bãi tại Khu công nghiệp Tàu thủy Nghi Sơn	10.000.000.000	5.000.000.000
Lãi trả chậm phải trả PVEP do nhận chuyển nhượng tàu Bình Minh 02	9.940.190.266	13.253.587.022
Chi phí sửa chữa lớn Sà lan PTSC 01 và POS 01	9.077.803.890	32.557.029.441
Lãi vay phải trả các Tổ chức tín dụng	9.550.821.209	15.479.172.332
Chi phí hoạt động tàu FPSO Ruby II	5.637.891.655	8.795.202.051
Dự án Ghana Yinson	50.763.803.907	-
Hợp đồng cung cấp hệ thống neo và dịch vụ rải neo BDI - DC-019	15.513.795.645	-
Dự án Bio Ethanol	28.542.446.554	-
Dự án Ghana Kanfa	49.566.360.713	-
Dự án Sư Tử Vàng 6X	49.161.840.000	-
Dự án Sư Tử Trắng Fullfill	48.547.509.167	-
Dự án xây dựng nhà máy phân bón NH3	28.134.735.905	-
Chi phí Dự án Thái Bình T&I	14.771.393.352	-
Dự án xử lý dữ liệu 3D tại lô 103-107	10.488.167.781	-
Dự án NPK	15.476.352.091	-
Dự án Nghi Sơn Jetty	16.090.419.238	-
Chi phí dự án Đại Hùng, Tam đảo 05, Chim Sáo	10.615.867.760	-
Chi phí bảo trì, thi công giàn khoan tại đơn vị Khai thác dầu khí	10.592.449.760	-
Dự án khảo sát địa chất công trình nhiệt điện Sông Hậu	6.987.323.000	-
Chi phí dịch vụ khảo sát địa chấn, địa chất và khảo sát công trình ngầm	-	30.510.134.076
Dự án Thăng Long - Đồng Đô	-	27.728.599.736
Dự án Sư Tử Trắng	-	8.572.399.818
Dự án Booster Compressor	-	2.477.411.076
Trích trước chi phí dự án vận chuyển ống cho TLO	-	12.805.849.919
Giá vốn dịch vụ Tàu dầu khí	-	48.699.589.495
Chi phí phải trả khác	62.918.017.320	61.245.094.617
	<u>1.779.598.558.385</u>	<u>2.291.794.091.814</u>

15
ÔNG
HÃ
Y T
KH
VAN
ô c
500-
NHÁ
IG T
EMH
TIT
WA
HỒ
AT
HIT

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	2.687.070.993	1.011.837.369
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	105.550.648	468.461.853
Phải trả cổ tức cho các cổ đông	12.285.493.723	7.226.542.273
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (i)	349.068.201.763	382.752.004.016
Tổng công ty Công nghiệp Tàu Thủy ("SBIC") (ii)	402.177.441.565	400.700.531.130
Tổng công ty Xây dựng Đường Thủy (iii)	58.209.744.759	55.561.395.338
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (iii)	49.873.999.702	40.518.408.320
Tiền lương thưởng phải trả người lao động	35.020.333.214	48.404.069.023
Nordic Maritime Pt. Ltd	6.762.000.000	6.414.000.000
OffShore Ltd	7.552.986.709	7.552.986.709
Chi Cục Hải Quan Cửa Khẩu Cảng Dung Quất	828.428.160	12.284.228.892
Tạm thu thuế TNCN người lao động	8.814.464.483	9.901.812.844
Thuế nhà thầu phải nộp	90.844.674	6.554.086.832
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	508.838.739	784.636.271
Công ty Điều hành chung Lam Sơn	-	83.202.468.286
Công ty TNHH Một thành viên Cảng Thanh Hóa	-	39.338.750.137
Các khoản khác liên quan đến hoạt động SXKD	-	9.637.417.250
Công ty Liên doanh Điều hành Cừ Long	3.759.479.209	-
PC Vietnam Limited	14.219.767.472	-
Malaysia Vietnam Offshore Terminal Limited	6.655.616.068	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Chứng khoán Thăng Long	3.078.500.783	-
Công ty TNHH Đa Dạng Yến Sơn	9.891.423.655	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	66.506.352.426	57.978.416.778
	<u>1.038.096.538.745</u>	<u>1.170.292.053.321</u>
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	203.242.385	636.932.136
	<u>203.242.385</u>	<u>636.932.136</u>

- (i) Khoản phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam bao gồm các khoản chính như giá trị chuyển nhượng Nhà máy Đóng tàu Đặc chủng Nhơn Trạch gồm 355.559.451.500 đồng và cân trừ với các khoản Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam chi hộ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- (ii) Khoản phải trả cho Tổng công ty Công nghiệp Tàu Thủy ("SBIC") là khoản thanh toán đợt cuối chi phí đóng mới kho nổi chứa dầu FSO5 mà Công ty mẹ là chủ đầu tư và SBIC là nhà thầu thực hiện.
- (iii) Khoản phải trả Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam, Tổng công ty Xây dựng Đường Thủy là khoản phải trả liên quan đến Dự án Nạo vét cảng Nghi Sơn được giữ lại theo thỏa thuận liên danh đã ký kết.

24. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá trị	Số có khả	Giá trị	Số có khả
	<u>VND</u>	năng trả nợ <u>VND</u>	<u>VND</u>	năng trả nợ <u>VND</u>
Vay ngắn hạn	-	-	5.463.872.936	5.463.872.936
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 25)	684.347.404.258	684.347.404.258	746.300.213.655	746.300.213.655
	<u>684.347.404.258</u>	<u>684.347.404.258</u>	<u>751.764.086.591</u>	<u>751.764.086.591</u>

MAU

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***25. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Đồng Việt Nam	516.099.944.352	516.099.944.352	634.763.611.654	634.763.611.654
Đô la Mỹ	1.731.660.325.106	1.731.660.325.106	1.939.536.210.093	1.939.536.210.093
	2.247.760.269.458	2.247.760.269.458	2.574.299.821.747	2.574.299.821.747

Vay dài hạn bằng Đồng Việt Nam bao gồm các khoản vay từ các ngân hàng thương mại cổ phần trong nước. Các khoản vay này có lãi suất vay từ lãi suất từ 4,1%/năm đến 10,0375%/năm.

Vay dài hạn bằng Đô la Mỹ bao gồm các khoản vay từ các ngân hàng thương mại cổ phần trong nước và các chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam. Các khoản lãi vay này có lãi suất vay từ 1,7%/năm đến 5,65%/năm.

Mục đích các khoản vay dài hạn của Tổng công ty chủ yếu là đầu tư tài sản dài hạn như cảng, tàu dịch vụ dầu khí, thiết bị chuyên ngành dịch vụ kỹ thuật dầu khí phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và góp vốn liên doanh các dự án FSO/FPSO với các đối tác nước ngoài.

Các khoản vay dài hạn được bảo lãnh bởi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam hoặc bảo đảm bằng tài sản và chi phí xây dựng cơ bản dở dang hình thành từ các khoản vay như đã trình bày trong Thuyết minh số 13 hoặc không có bảo đảm.

Số dư các khoản vay bằng Đô la Mỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 tương đương 76.826.102 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 90.717.310 Đô la Mỹ). Trong đó, đối với khoản vay 26.926.671 Đô la Mỹ của Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC-CGGV ("PTSC CGGV"). Khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần, không cố định trong vòng 5 năm bắt đầu từ ngày con tàu Amadeus, tài sản nhận góp vốn từ CGG Holding B.V., được đăng ký dưới tên của PTSC CGGV (ngày 07 tháng 8 năm 2012). PTSC CGGV cam kết sử dụng ít nhất 70% lợi nhuận sau thuế hàng năm cho việc thanh toán trước khoản vay này. Khoản vay này được Tổng công ty bảo lãnh 51% giá trị vay, không chịu lãi suất, phí thu xếp, hoa hồng hay bất kỳ chi phí nào khác liên quan đến khoản vay.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Trong vòng 1 năm	684.347.404.258	746.300.213.655
Năm thứ 2	1.089.890.972.986	1.209.681.880.620
Từ năm thứ 3 đến năm thứ 5	360.590.577.503	585.398.262.499
Trên 5 năm	112.931.314.711	32.919.464.973
	2.247.760.269.458	2.574.299.821.747
Trừ số vay dài hạn phải trả trong vòng 1 năm (trình bày trong phần vay và nợ tài chính ngắn hạn (Thuyết minh số 24))	684.347.404.258	746.300.213.655
Số phải trả sau 12 tháng	1.563.412.865.200	1.827.999.608.092



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả do Tổng công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và năm trước.

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác <u>VND</u>	Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện <u>VND</u>	Lợi nhuận chưa thực hiện <u>VND</u>	Khấu hao TSCĐ <u>VND</u>	Lợi nhuận từ công ty liên doanh liên kết <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
Tại ngày 01/01/2014	57.236.533.788	(5.503.074.514)	1.131.973.847	67.343.951.593	(125.711.303.019)	(5.501.918.305)
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	(9.829.425.344)	(1.341.159.503)	2.581.415.412	(18.062.394.998)	(75.003.879.156)	(101.655.443.589)
Tại ngày 31/12/2014	47.407.108.444	(6.844.234.017)	3.713.389.259	49.281.556.595	(200.715.182.175)	(107.157.361.894)
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	(57.960.862.962)	(3.067.396.132)	(3.447.929.304)	(18.163.706.649)	(88.476.540.772)	(171.116.435.819)
Tăng do mua bán, chuyển đổi hình thức sở hữu	-	-	-	(4.609.223.314)	-	(4.609.223.314)
Tại ngày 31/12/2015	<u>(10.553.754.518)</u>	<u>(9.911.630.149)</u>	<u>265.459.955</u>	<u>26.508.626.632</u>	<u>(289.191.722.947)</u>	<u>(282.883.021.027)</u>

Một số khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được bù trừ theo quy định kế toán hiện hành cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

	31/12/2015 <u>VND</u>	31/12/2014 <u>VND</u>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(299.103.353.096)	(207.559.416.192)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	<u>16.220.332.069</u>	<u>100.402.054.298</u>
	<u>(282.883.021.027)</u>	<u>(107.157.361.894)</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty con là Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC và Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC CGGV có các khoản lỗ tính thuế lần lượt là 378.076.922.653 đồng và 459.080.081.875 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 588.729.746.322 đồng) có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai. Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC và Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC CGGV không ghi nhận tài sản thuế hoãn lại cho khoản lỗ này do không chắc chắn về lợi nhuận thu được trong tương lai.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

27. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	(Phân loại lại) VND
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng:		
- Dự án Biển Đông	525.047.170.282	525.047.170.282
- Dự án Sư Tử Nâu	305.716.586.414	181.401.290.146
- Dự án Hải Sư Trắng - Đen	155.860.354.444	155.860.354.444
- Dự án Chim Sáo	100.390.150.982	100.390.150.982
- Dự án Sư Tử Vàng 6X	84.525.593.656	44.892.456.093
- Dự án HRD	54.028.471.982	54.028.471.982
- Dự án Sư Tử Trắng	30.492.733.169	30.492.733.169
- Dự án Thái Bình Hàm Rồng	9.844.800.000	-
Chi phí dự phòng sửa chữa lớn theo định kỳ cho tàu FPSO Lam Sơn	15.048.959.075	-
	1.280.954.820.004	1.092.112.627.098

28. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần	31/12/2015	31/12/2014
- Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	446.700.421	446.700.421
- Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	446.700.421	446.700.421
- Số lượng cổ phần đang lưu hành	446.700.421	446.700.421

Tổng công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Tổng công ty.

Chi tiết vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi, vốn điều lệ của Tổng công ty là 4.467.004.210.000 đồng (năm 2014: 4.467.004.210.000 đồng). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
	%	VND	%	VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	51,38	2.295.000.000.000	51,38	2.295.000.000.000
Công ty TNHH Vina Capital Corporate Financial Việt Nam	5,53	249.755.220.000	6,12	273.403.700.000
Nhóm quỹ FTIF-Templeton Frontier Markets	5,03	224.871.740.000	5,79	258.800.740.000
Vốn góp của các cổ đông khác	38,06	1.697.377.250.000	39,85	1.639.799.770.000
	100,00	4.467.004.210.000	103,14	4.467.004.210.000

11/01/2016
 T
 CÔNG
 NHÀ
 KỸ T
 LẾ KH
 T NA
 HỒ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
 Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thay đổi của vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn góp chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2014	4.467.004.210.000	39.539.239.837	1.342.993.164.011	1.425.333.945.688	2.421.651.611.070	9.696.522.170.606
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	16.426.911.023	1.974.763.911.955	1.991.190.822.978
Điều chỉnh mua PVSecurity	-	-	3.357.513.142	1.445.222.880	4.032.829.340	8.835.565.362
Trích lập các quỹ	-	-	500.859.475.132	-	(698.443.805.058)	(197.584.329.926)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(536.040.505.200)	(536.040.505.200)
Điều chỉnh lợi nhuận các công ty liên doanh, liên kết các năm trước	-	-	-	-	(1.435.369.393)	(1.435.369.393)
Khác	-	6.420.163	-	(1.375.316.636)	(5.184.917.504)	(6.553.813.977)
Tại ngày 31/12/2014	4.467.004.210.000	39.545.660.000	1.847.210.152.285	1.441.830.762.955	3.159.343.755.210	10.954.934.540.450
Tăng vốn điều lệ	-	-	-	3.280.000.000	-	3.280.000.000
Điều chỉnh mua Sao Mai - Bến Đĩnh	-	-	22.470.917.573	275.174.870.988	(22.470.917.573)	275.174.870.988
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	(23.855.903.238)	1.517.394.760.704	1.493.538.857.466
Trích lập các quỹ	-	-	549.265.629.802	(22.307.884.709)	(791.595.857.165)	(264.638.112.072)
Chia cổ tức	-	-	-	(50.529.500.000)	(536.040.505.200)	(586.570.005.200)
Khác	-	-	(406.793.607)	3.369.263	(442.689.671)	(846.114.015)
Tại ngày 31/12/2015	4.467.004.210.000	39.545.660.000	2.418.539.906.053	1.623.595.715.259	3.326.188.546.305	11.874.874.037.617

Theo Nghị quyết số 345/NQ-DVKT-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam, các cổ đông của Tổng công ty đã phê duyệt tỷ lệ chia cổ tức của năm 2014 là 12% trên mệnh giá cổ phần với số tiền 536.040.505.200 đồng, trích Quỹ dự phòng tài chính là 59.066.049.761 đồng, trích Quỹ đầu tư phát triển là 444.455.920.837 đồng, trích Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi là 141.758.519.427 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng công ty đã thực hiện chi trả cổ tức cho năm 2014 và trích lập các quỹ theo Nghị quyết nêu trên.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
Đô la Mỹ (USD)	120.476.279	134.350.464
Euro (EUR)	3.930	18.933
Đô la Singapore (SGD)	-	117.762
Bảng Anh (GBP)	<u>319.468</u>	<u>2.989</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

30. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con. Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát được xác định như sau:

Đơn vị: VND

	Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình dầu khí biển PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đỉnh Vũ	Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC-CGGV	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	Tổng
Vốn điều lệ của công ty con (đồng)	400.000.000.000	200.000.000.000	300.000.000.000	350.000.000.000	400.000.000.000	400.000.000.000	1.171.498.641.420	25.165.800.000	500.000.000.000	3.746.664.441.420
Trong đó:										
Vốn phân bổ cho Tổng công ty (đồng)	339.807.000.000	102.000.000.000	285.581.000.000	208.645.000.000	218.773.000.000	204.000.000.000	597.817.104.000	15.300.000.000	255.000.000.000	2.226.923.104.000
Vốn phân bổ cho cổ đông không kiểm soát (đồng)	60.193.000.000	98.000.000.000	14.419.000.000	141.355.000.000	181.227.000.000	196.000.000.000	573.681.537.420	9.865.800.000	245.000.000.000	1.519.741.337.420
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát	15,05%	49,00%	4,81%	40,39%	45,31%	49,00%	48,97%	39,20%	49,00%	

Lợi ích cổ đông không kiểm soát từ kết quả hoạt động kinh doanh trong năm như sau:

Đơn vị: VND

	Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình dầu khí biển PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đỉnh Vũ	Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC-CGGV	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	Tổng
Lợi nhuận/(lỗ) trong năm (đồng)	121.729.819.908	50.405.617.481	31.482.524.274	49.167.228.440	45.862.211.076	33.793.558.493	(266.157.439.005)	14.511.720.749	(407.321.814)	80.387.919.602
Lợi nhuận/(lỗ) của cổ đông không kiểm soát (đồng)	18.318.207.624	24.698.752.566	1.513.155.058	19.857.238.789	20.778.677.317	16.558.843.662	(130.336.991.786)	4.955.801.221	(199.587.689)	(23.855.903.238)



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
 Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Lợi ích cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Đơn vị: VND

	Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình dầu khí biển PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC-CGGV	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	Tổng
Tổng tài sản	2.237.498.925.348	498.144.437.155	932.520.342.607	538.080.005.410	618.019.311.087	709.072.445.346	2.057.717.408.125	126.273.402.375	851.888.573.986	8.569.214.851.439
Tổng nợ phải trả	1.379.545.101.522	248.528.130.591	980.958.878.211	123.846.374.786	154.273.947.622	266.077.001.878	1.056.661.575.943	82.540.854.175	293.074.416.159	4.585.506.280.887
Tài sản thuần	857.953.823.826	249.616.306.564	(48.438.535.604)	414.233.630.624	463.745.363.465	442.995.443.468	1.001.055.832.182	43.732.548.200	558.814.157.827	3.983.708.570.552
<i>Chi tiết như sau:</i>										
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	400.000.000.000	200.000.000.000	300.000.000.000	350.000.000.000	400.000.000.000	400.000.000.000	1.171.498.641.420	25.165.800.000	500.000.000.000	3.746.664.441.420
Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-	-	(140.000.000)	-	-	-	(140.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	77.835.964.235	6.211.978.409	4.707.250.551	9.881.436.350	24.762.484.050	5.086.206.617	-	6.231.785.563	44.060.622.692	178.777.728.467
Lợi nhuận chưa phân phối/ (Lỗ lũy kế)	380.117.859.591	43.404.328.155	(353.145.786.155)	54.352.194.274	38.982.879.415	38.049.236.851	(170.442.809.238)	12.334.962.637	14.753.535.135	58.406.400.665
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát										
<i>Chi tiết như sau:</i>										
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	60.193.000.000	98.000.000.000	14.419.000.000	141.355.000.000	181.227.000.000	196.000.000.000	573.681.537.420	9.865.800.000	245.000.000.000	1.519.741.337.420
Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-	-	(68.600.000)	-	-	-	(68.600.000)
Quỹ đầu tư phát triển	11.712.950.488	3.043.869.420	226.246.152	3.990.829.815	11.219.076.742	2.492.241.242	-	1.918.900.182	21.589.705.119	56.193.819.160
Lợi nhuận chưa phân phối/ (Lỗ lũy kế)	57.201.085.806	21.268.120.796	(16.973.363.635)	21.951.298.347	17.661.875.719	18.644.126.057	(83.465.647.666)	4.212.431.038	7.229.232.217	47.729.158.679
	129.107.036.294	122.311.990.216	(2.328.117.483)	167.297.128.162	210.107.952.461	217.067.767.299	490.215.889.754	15.997.131.220	273.818.937.336	1.623.595.715.259



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng công ty được chia thành bảy bộ phận kinh doanh với hoạt động chủ yếu như sau:

<u>Bộ phận kinh doanh</u>	<u>Hoạt động</u>
Dịch vụ tàu kỹ thuật dầu khí	Cho thuê và cho thuê lại tàu dịch vụ dầu khí
Dịch vụ cung ứng tàu chứa và xử lý dầu thô FSO/FSPO	Dịch vụ cung cấp kho nổi, chứa, xử lý và xuất dầu thô
Dịch vụ khảo sát địa chấn địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng thiết bị ROV	Cung cấp dịch vụ quản lý, vận hành tàu khảo sát địa chấn 2D, 3D, khảo sát địa chất, khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng thiết bị ROV
Cung cấp dịch vụ căn cứ cảng	Cung cấp dịch vụ căn cứ cảng, cho thuê văn phòng và cung cấp dịch vụ khác có liên quan
Cơ khí, đóng mới và xây lắp	Gia công, lắp ráp, chế tạo các cấu kiện, thiết bị dầu khí
Sửa chữa, bảo dưỡng, vận hành và xây dựng lắp đặt công trình biển	Sửa chữa, vận hành, lắp đặt và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí
Cung cấp các dịch vụ khác	Cung cấp các dịch vụ khác phục vụ cho ngành dầu khí

Tổng công ty lập báo cáo bộ phận theo bảy bộ phận kinh doanh như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015:

Đơn vị: VND

	Dịch vụ tàu kỹ thuật dầu khí	Dịch vụ cung ứng tàu chứa và xử lý dầu thô FSO/FSPO	Dịch vụ khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng thiết bị ROV	Dịch vụ căn cứ cảng	Cơ khí, đóng mới và xây lắp	Sửa chữa, bảo dưỡng, vận hành và xây dựng lắp đặt công trình biển	Dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng
Tài sản									
Tài sản bộ phận	1.903.208.082.362	3.275.134.639.378	2.561.209.974.527	3.488.666.350.843	8.795.033.118.190	2.756.831.977.632	443.632.113.730	(3.671.137.338.202)	19.552.578.918.460
Lãi từ công ty liên kết									1.686.683.896.116
Tài sản không phân bổ									5.197.790.172.318
Tổng tài sản hợp nhất									<u>26.437.052.986.894</u>
Nợ phải trả									
Nợ phải trả bộ phận	1.166.476.627.529	1.441.515.456.088	1.523.995.892.922	1.815.002.502.375	7.843.459.031.566	1.780.713.156.457	259.157.543.388	(3.671.137.338.202)	12.159.182.872.123
Nợ phải trả không phân bổ									2.402.996.077.154
Tổng nợ phải trả hợp nhất									<u>14.562.178.949.277</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
 Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

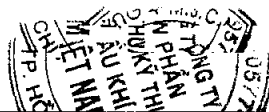
MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014:

Đơn vị: VND

	Dịch vụ tàu kỹ thuật dầu khí	Dịch vụ cung ứng tàu chứa và xử lý dầu thô FSO/FFSO	Dịch vụ khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng thiết bị ROV	Dịch vụ càn cứ cảng	Cơ khí, đóng mới và xây lắp	Sửa chữa, bảo dưỡng, vận hành và xây dựng lắp đặt công trình biển	Dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng
Tài sản									
Tài sản bộ phận	2.948.783.764.850	3.826.753.352.989	3.072.589.383.475	4.317.843.372.793	9.708.159.739.794	3.349.255.503.878	419.102.812.303	(4.411.365.419.686)	23.231.122.510.396
Lãi từ công ty liên kết									1.066.200.356.047
Tài sản không phân bổ									<u>2.386.335.001.464</u>
Tổng tài sản hợp nhất									<u>26.683.657.867.907</u>
Nợ phải trả									
Nợ phải trả bộ phận	2.946.429.212.419	1.574.519.598.780	1.861.492.388.214	2.103.650.001.923	8.748.409.486.381	2.326.367.391.302	112.239.514.169	(4.411.365.419.686)	15.261.742.173.502
Nợ phải trả không phân bổ									466.981.153.955
Tổng nợ phải trả hợp nhất									<u>15.728.723.327.457</u>



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
 Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

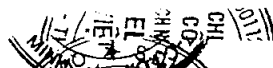
MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Đơn vị: VND

	Dịch vụ kỹ thuật dầu khí	Dịch vụ cung ứng tàu chứa và xử lý dầu thô FSO/FPSP	Dịch vụ khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng ROV	Dịch vụ càn cứ cảng	Cơ khí, đóng mới và xây lắp	Sửa chữa, bảo dưỡng, vận hành và xây dựng lắp đặt công trình biển	Dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng
Doanh thu									
Doanh thu thuần từ bán ra bên ngoài	4.514.895.375.206	3.280.372.474.995	2.173.921.020.333	2.190.069.141.904	8.523.327.678.624	1.525.669.351.473	1.148.642.823.454	-	23.356.897.865.989
Doanh thu thuần từ bán cho các bộ phận khác	271.806.781.068	470.424.791.598	234.844.630.188	381.902.048.495	1.787.828.476.929	2.792.777.304.864	174.391.181.408	(6.113.975.214.550)	-
Tổng doanh thu	4.786.702.156.274	3.750.797.266.593	2.408.765.650.521	2.571.971.190.399	10.311.156.155.553	4.318.446.656.337	1.323.034.004.862	(6.113.975.214.550)	23.356.897.865.989
Giá vốn									
Giá vốn bán ra bên ngoài	3.954.805.225.599	3.121.195.633.236	2.232.027.304.915	1.696.822.422.028	7.784.082.065.786	1.266.085.514.593	1.126.948.440.112	-	21.181.966.606.269
Giá vốn bán cho các bộ phận khác	271.806.781.068	470.424.791.598	234.844.630.188	381.902.048.495	1.787.828.476.929	2.792.777.304.864	75.079.372.410	(6.014.663.405.552)	-
Tổng giá vốn	4.226.612.006.667	3.591.620.424.834	2.466.871.935.103	2.078.724.470.523	9.571.910.542.715	4.058.862.819.457	1.202.027.812.522	(6.014.663.405.552)	21.181.966.606.269
Lợi nhuận gộp									
Lợi nhuận gộp bộ phận	560.090.149.607	159.176.841.759	(58.106.284.582)	493.246.719.876	739.245.612.838	259.583.836.880	21.694.383.342	-	2.174.931.259.720
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý	-	-	-	-	-	-	-	-	995.039.622.266
Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-	(137.404.092)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	-	-	-	-	1.179.754.233.362
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	-	-	-	-	-	-	-	-	82.139.119.807
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	-	-	753.186.652.840
Lợi nhuận trước thuế	-	-	-	-	-	-	-	-	2.015.080.006.009
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	350.424.712.724
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	-	-	-	-	-	-	-	-	171.116.435.819
Lợi nhuận trong năm									1.493.538.857.466



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
 Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Đơn vị: VND

	Dịch vụ tàu kỹ thuật dầu khí	Dịch vụ cung ứng tàu chứa và xử lý dầu thô FSO/FPSO	Dịch vụ khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng ROV	Dịch vụ càn cứ càn	Cơ khí, đóng mới và xây lắp	Sửa chữa, bảo dưỡng, vận hành và xây dựng lắp đặt công trình biển	Dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng
Doanh thu									
Doanh thu thuần từ bán ra bên ngoài	6.910.080.386.166	2.550.695.190.406	3.229.049.561.965	1.998.617.280.233	13.666.750.206.666	2.865.370.118.506	482.918.146.992	-	31.704.046.085.934
Doanh thu thuần từ bán cho các bộ phận khác	209.264.604.616	297.166.898.284	242.203.427.471	351.896.050.404	266.850.515.521	2.411.061.075.748	179.499.629.499	(3.957.942.201.543)	-
Tổng doanh thu	7.119.344.990.782	2.847.862.088.690	3.471.252.989.436	2.350.513.330.637	13.933.600.722.187	5.276.431.194.254	662.417.776.491	(3.957.942.201.543)	31.704.046.085.934
Giá vốn									
Giá vốn bán ra bên ngoài	6.248.830.123.860	2.401.769.260.434	3.218.544.624.895	1.542.527.734.961	13.066.649.262.612	2.180.798.687.520	450.524.884.230	-	29.109.644.578.512
Giá vốn bán cho các bộ phận khác	209.264.604.616	297.166.898.284	242.203.427.471	351.896.050.404	266.850.515.521	2.411.061.075.748	62.584.143.547	(3.841.026.715.591)	-
Tổng giá vốn	6.458.094.728.476	2.698.936.158.718	3.460.748.052.366	1.894.423.785.365	13.333.499.778.133	4.591.859.763.268	513.109.027.777	(3.841.026.715.591)	29.109.644.578.512
Lợi nhuận gộp									
Lợi nhuận gộp bộ phận	661.250.262.306	148.925.929.972	10.504.937.070	454.306.396.372	600.100.944.054	684.571.430.986	32.393.262.762	-	2.594.401.507.422
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý	-	-	-	-	-	-	-	-	825.015.124.689
Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-	24.796.023.405
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	-	-	-	-	1.794.182.406.138
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	-	-	-	-	-	-	-	-	205.982.357.469
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	-	-	543.824.853.736
Lợi nhuận trước thuế	-	-	-	-	-	-	-	-	2.543.989.617.343
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	451.143.350.776
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	-	-	-	-	-	-	-	-	101.655.443.589
Lợi nhuận trong năm									1.991.190.822.978

Tổng công ty chỉ hoạt động ở một khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Tổng công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***32. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2015	2014
	VND	(Trình bày lại) VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	2.565.739.077.774	3.573.228.237.295
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.390.114.472.699	19.835.510.061.706
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	4.401.044.315.516	8.295.307.786.933
	<u>23.356.897.865.989</u>	<u>31.704.046.085.934</u>

33. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2015	2014
	VND	(Trình bày lại) VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.315.141.454.218	3.419.784.979.482
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	14.879.189.270.119	17.718.860.734.839
Giá vốn hợp đồng xây dựng	3.987.635.881.932	7.970.998.864.191
	<u>21.181.966.606.269</u>	<u>29.109.644.578.512</u>

34. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2015	2014
	VND	(Trình bày lại) VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.391.403.563.228	5.815.399.749.076
Chi phí nhân công	2.792.820.102.335	2.628.792.483.957
Chi phí khấu hao tài sản cố định	904.020.669.964	982.740.876.328
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.333.198.900.369	20.012.312.779.319
Chi phí khác	817.982.142.865	516.108.178.860
	<u>22.239.425.378.761</u>	<u>29.955.354.067.540</u>

35. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2015	2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	162.246.149.733	142.736.236.861
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.487.280.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	168.998.748.103	75.475.140.226
Doanh thu hoạt động tài chính khác	42.215.758.002	48.511
	<u>377.947.935.838</u>	<u>218.211.425.598</u>


 010
 CÔNG
 CỔ
 HỮU
 DANH
 VIỆT
 TP

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

36. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay	70.937.160.828	95.491.794.579
Lỗi chênh lệch tỷ giá	210.494.663.049	73.680.057.338
Chênh lệch do mua Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Dịch vụ Dầu khí Sơn Trà	41.557.748.054	-
Dự phòng/(Hoàn nhập)các khoản đầu tư dài hạn	10.376.710.875	2.554.953.590
Chi phí tài chính khác	44.719.057.124	21.688.596.686
	378.085.339.930	193.415.402.193

37. PHẦN LÃI TRONG CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

	2015	2014
	VND	VND
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	11.121.620.923	5.806.828.970
Công ty Liên doanh Rồng Đồi MV12	14.883.742.658	7.633.904.772
Malaysia VietNam Offshore Terminal Limited	162.331.298.360	133.346.688.843
Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited	4.388.467.001	(2.427.350.335)
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình	-	555.589.384
Công ty Liên doanh PTSC SEA	288.171.011.414	261.955.817.126
Công ty Liên doanh PTSCAP	272.290.512.484	138.657.006.647
Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp - Dịch vụ Dầu khí Sơn Trà	-	(1.703.631.671)
	753.186.652.840	543.824.853.736

38. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2015	2014
	VND	VND
Các khoản chi phí bán hàng		
Lương nhân viên bán hàng	16.573.821.516	18.629.111.155
Chi phí quảng cáo	15.529.081.224	27.452.344.996
Khác	66.468.736.357	70.025.610.493
	98.571.639.097	116.107.066.644

	2015	2014
	VND	(Trình bày lại) VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp		
Lương nhân viên quản lý	225.810.519.386	225.062.333.302
Dịch vụ mua ngoài	275.762.544.926	282.802.741.445
BHXH, BHYT, KPCĐ quản lý	33.190.906.486	28.712.452.406
Chi phí khấu hao TSCĐ quản lý	43.589.942.951	34.018.275.588
Các khoản dự phòng	103.406.731.337	12.749.470.920
Khác	214.707.338.083	125.562.784.384
	896.467.983.169	708.908.058.045



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

39. THU NHẬP KHÁC

	2015	2014
	VND	(Trình bày lại) VND
Hoàn nhập các khoản phải trả liên quan đến Dự án Bền số 1, 2 Cảng Nghi Sơn - Thanh Hóa	39.338.750.137	51.900.455.018
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	8.931.389.015	10.528.694.729
Thu từ bồi thường	13.942.533.529	23.487.564.542
Chênh lệch do mua Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình	62.856.534.599	-
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán phế liệu	1.029.527.273	-
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	248.362.816	-
Hoàn nhập các khoản phải trả liên quan đến Dự án Nhà máy sửa chữa tàu biển Nghi Sơn	-	29.621.687.266
Hoàn nhập các khoản phải trả liên quan đến Dự án Nhà máy đóng tàu Nhơn Trạch	-	18.320.980.480
Hoàn nhập dự phòng Dự án Sư Tử Đen, Thăng Long Đông Đô	-	56.374.226.892
Thu nhập cung cấp nhân sự quản lý cho MVOT	-	10.410.540.000
Hoàn nhập bảo hành dự án Topaz	-	7.474.540.648
Các khoản thu nhập khác	18.211.172.667	18.558.032.233
	144.558.270.036	226.676.721.808

40. CHI PHÍ KHÁC

	2015	2014
	VND	VND
Thuế nộp thêm, tiền chậm nộp sau thanh tra	23.279.639.237	-
Tiền phạt, bồi thường	2.311.431.381	1.844.236.434
Chi thanh lý tài sản cố định	3.102.236.161	1.290.783.072
Chi phí phúc lợi	2.721.464.294	3.137.275.332
Chi phí xây dựng cơ bản của Dự án 266 Lê Lợi	11.792.020.639	-
Hoàn phí bảo hiểm tàu FPSO Ruby II từ 09/6/2010 đến 31/3/2011	4.626.828.036	-
Chi tài trợ xây dựng Trường cấp II Hoàng Xuân Hãn	-	3.000.000.000
Các khoản chi phí khác	14.585.530.481	11.422.069.501
	62.419.150.229	20.694.364.339

41. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2015	2014
	VND	(Trình bày lại) VND
Lợi nhuận trước thuế	2.015.080.006.009	2.543.989.617.343
Các khoản điều chỉnh tăng	481.337.695.346	515.414.601.477
Các khoản điều chỉnh giảm	(845.701.159.952)	(850.659.802.660)
Thu nhập chịu thuế	1.650.716.541.403	2.208.744.416.160
Chuyển lỗ các năm trước	(29.262.502.487)	(22.524.582.139)
Thu nhập tính thuế	1.621.454.038.916	2.186.219.834.021
Thuế thu nhập doanh nghiệp	356.719.888.562	480.968.363.485
Miễn giảm thuế (i)	(12.556.224.430)	(9.633.447.464)
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung	6.261.048.592	342.858.627,00
Điều chỉnh thuế	-	(20.534.423.872)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thuần	350.424.712.724	451.143.350.776

Công ty mẹ và các công ty con có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và thuế suất 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 trên thu nhập chịu thuế.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

(i) Miễn giảm thuế chủ yếu thể hiện số thuế được miễn trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo của Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ và Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa.

42. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2015	2014
	VND	VND
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng công ty	1.517.394.760.704	1.974.763.911.955
Trừ: Trích tạm quỹ khen thưởng, phúc lợi theo kế hoạch	137.370.093.785	220.397.550.598
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.380.024.666.919	1.754.366.361.357
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>446.700.421</u>	<u>446.700.421</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>3.089</u>	<u>3.927</u>

Số liệu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được tính toán lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 để so sánh với số liệu lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm này.

43. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

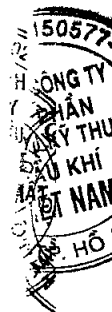
	2015	2014
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>1.173.897.588.278</u>	<u>1.440.904.051.392</u>

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Trong vòng một năm	619.232.648.790	822.589.634.382
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	863.946.754.265	1.405.178.454.502
Sau năm năm	874.327.953.275	648.010.492.663
	<u>2.357.507.356.330</u>	<u>2.875.778.581.547</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng công ty có các khoản cam kết thuê tàu hoạt động; thuê đất tại Vũng Tàu với mục đích làm văn phòng cho Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí và Công ty TNHH Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC; thuê đất với mục đích kinh doanh dịch vụ Cảng của Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ; thuê tài sản với mục đích kinh doanh dịch vụ khách sạn của Công ty TNHH MTV Khách sạn Dầu khí PTSC không hủy ngang.

Các hợp đồng thuê tàu được ký với thời hạn từ 1 năm đến 5 năm tính từ năm 2013. Hợp đồng thuê đất tại Vũng Tàu được ký với kỳ hạn thuê là 50 năm tính từ năm 2002. Thỏa thuận trong hợp đồng thuê tài sản đến năm 2021.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***44. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Tổng công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 24 và 25, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Tổng công ty (bao gồm vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	(VND)	(Trình bày lại) (VND)
Các khoản vay	2.247.760.269.458	2.579.763.694.683
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	7.996.669.754.080	8.194.248.685.277
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	<u>11.874.874.037.617</u>	<u>10.954.934.540.450</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>-</u>	<u>-</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 5.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	31/12/2014
	(VND)	(Trình bày lại) (VND)
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.996.669.754.080	8.194.248.685.277
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.140.224.852.743	7.497.878.540.167
Phải thu về cho vay	28.757.555.368	63.902.830.591
Đầu tư tài chính	607.362.658.320	99.316.223.988
Các khoản ký quỹ	26.689.021.517	115.351.650.350
	<u>13.799.703.842.028</u>	<u>15.970.697.930.373</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	2.247.760.269.458	2.579.763.694.683
Phải trả người bán và phải trả khác	5.427.466.442.539	6.359.621.061.458
Chi phí phải trả	1.779.598.558.385	2.144.289.091.814
Dự phòng phải trả	1.364.156.687.981	1.129.284.266.053
	<u>10.818.981.958.363</u>	<u>12.212.958.114.008</u>



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Tổng công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá các khoản đầu tư và giá hàng hóa), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Tổng công ty quản trị bằng chính sách cân đối nguồn thu và chi ngoại tệ nhằm đảm bảo giảm thiểu rủi ro về tỷ giá thông qua việc ký kết hợp đồng với các khách hàng theo đối ứng ngoại tệ phải trả cho nhà cung cấp và điều chỉnh linh hoạt giá bán hàng hoặc giá cung cấp dịch vụ khi có sự biến động lớn về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	6.209.965.379.842	8.303.999.643.650	4.325.123.704.974	5.557.748.268.060
Bảng Anh (GBP)	30.156.577.071	97.858.222	4.290.141.023	1.575.903.529
Euro (EUR)	87.159.122	474.720.597	27.432.488.908	11.031.403.493
Đô la Singapore (SGD)	-	1.866.054.297	13.332.847.863	13.217.059.863

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 1% so với Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 1% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 1% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng 1% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Tổng công ty sẽ giảm các khoản tương ứng như sau:



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đô la Mỹ (USD)	<u>18.848.416.749</u>	<u>27.462.513.756</u>

Dựa trên sự phân tích tương tự cho các ngoại tệ khác thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Tổng công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Tổng công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm/tăng 44.955.205.389 đồng (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ giảm/tăng 46.555.672.691 đồng).

Quản lý rủi ro về giá các khoản đầu tư

Tổng công ty chịu rủi ro về giá của các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Hội đồng Quản trị của Tổng công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng công ty. Tổng công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

15
H
150
NG
Đ
Y
T
KH
AM
C

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng công ty phải trả. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tổng công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.996.669.754.080	-	-	7.996.669.754.080
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.120.569.735.057	19.655.117.686	-	5.140.224.852.743
Phải thu về cho vay	28.757.555.368	-	-	28.757.555.368
Đầu tư tài chính	570.070.000.000	37.292.658.320	-	607.362.658.320
Các khoản ký quỹ	23.999.587.251	2.689.434.266	-	26.689.021.517
	13.740.066.631.756	59.637.210.272	-	13.799.703.842.028
31/12/2015				
Các khoản vay	684.347.404.258	1.450.481.550.489	112.931.314.711	2.247.760.269.458
Phải trả người bán và phải trả khác	5.294.871.024.465	132.595.418.074	-	5.427.466.442.539
Chi phí phải trả	1.779.598.558.385	-	-	1.779.598.558.385
Dự phòng phải trả	108.095.627.052	1.256.061.060.929	-	1.364.156.687.981
	7.866.912.614.160	2.839.138.029.492	112.931.314.711	10.818.981.958.363
Chênh lệch thanh khoản thuần	5.873.154.017.596	(2.779.500.819.220)	(112.931.314.711)	2.980.721.883.665
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2014 (Trình bày lại)				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.194.248.685.277	-	-	8.194.248.685.277
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.472.895.226.122	24.983.314.045	-	7.497.878.540.167
Phải thu về cho vay	36.515.902.584	27.386.928.007	-	63.902.830.591
Đầu tư tài chính	-	99.316.223.988	-	99.316.223.988
Các khoản ký quỹ	112.697.706.856	2.653.943.494	-	115.351.650.350
	15.816.357.520.839	154.340.409.534	-	15.970.697.930.373
31/12/2014 (Trình bày lại)				
Các khoản vay	751.764.086.591	1.795.080.143.119	32.919.464.973	2.579.763.694.683
Phải trả người bán và phải trả khác	6.226.448.259.104	133.134.802.354	38.000.000	6.359.621.061.458
Chi phí phải trả	2.144.289.091.814	-	-	2.144.289.091.814
Dự phòng phải trả	37.171.638.955	1.092.112.627.098	-	1.129.284.266.053
	9.159.673.076.464	3.020.327.572.571	32.957.464.973	12.212.958.114.008
Chênh lệch thanh khoản thuần	6.656.684.444.375	(2.865.987.163.037)	(32.957.464.973)	3.757.739.816.365

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

45. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ
Ban quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn	Công ty trong Tập đoàn
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	Công ty trong Tập đoàn
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình II	Công ty trong Tập đoàn
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1	Công ty trong Tập đoàn
Ban Quản lý Dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất	Công ty trong Tập đoàn
Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	Công ty trong Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	Công ty trong Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	Công ty trong Tập đoàn
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	Công ty trong Tập đoàn
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	Công ty trong Tập đoàn
Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	Công ty trong Tập đoàn
Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	Công ty trong Tập đoàn
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Công ty trong Tập đoàn
Tổng công ty Công nghệ năng lượng Dầu khí Việt Nam	Công ty trong Tập đoàn
Tổng công ty Dung dịch khoan & Hóa phẩm Dầu khí	Công ty trong Tập đoàn
Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	Công ty trong Tập đoàn
Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	Công ty trong Tập đoàn
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	Công ty trong Tập đoàn
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	Công ty trong Tập đoàn
Tổng công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí	Công ty trong Tập đoàn
Tổng công ty Dầu Việt Nam	Công ty trong Tập đoàn
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp dầu khí	Công ty trong Tập đoàn
Công ty Cổ phần PVI	Công ty trong Tập đoàn
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Dầu khí	Công ty trong Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	Công ty trong Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đóng mới và sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch	Công ty trong Tập đoàn
Công ty Cổ phần Nhiên Liệu Sinh Học Dầu Khí Miền Trung	Công ty trong Tập đoàn
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Công ty trong Tập đoàn
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	Công ty trong Tập đoàn

VIỆT NAM
DẦU KHÍ
TP

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

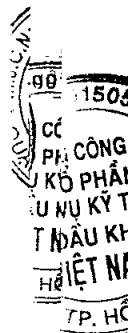
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Trong năm, Tổng công ty đã có các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

	2015 VND	2014 VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	1.223.936.498.745	679.330.328.621
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1	634.743.699.147	26.673.456.000
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	348.149.983.303	794.118.548.584
Tổng công ty Phân bón và hóa chất Dầu khí	309.816.168.482	54.481.444.945
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	239.466.159.790	331.374.556.079
Ban quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn	172.328.109.940	525.171.582.365
Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	92.183.826.193	84.452.267.877
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	58.978.595.640	88.804.102.263
Tổng công ty Dung dịch khoan & Hóa phẩm Dầu khí	35.568.152.639	64.196.241.124
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	27.691.665.219	8.777.764.566
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp dầu khí	21.701.614.724	21.696.012.254
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	13.258.441.170	9.563.197.808
Trường cao đẳng nghề Dầu khí	11.932.786.009	30.262.015.835
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	11.569.997.407	10.582.079.687
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	10.203.240.533	12.845.062.223
Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	7.962.386.666	8.888.751.599
Tổng công ty Dầu Việt Nam	1.269.717.999	614.200.093
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	1.055.604.108	305.454.546
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình II	758.088.000	302.414.748
Tổng công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí	327.170.008	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	283.613.637	966.000
Công ty Cổ phần PVI	81.614.545	8.067.287
Tổng công ty Công nghệ năng lượng Dầu khí Việt Nam	-	64.500.000
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Dầu khí	-	159.590.000
	<u>27.682.463.399</u>	<u>34.563.214.776</u>
Chi phí lãi vay		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	27.682.463.399	34.563.214.776

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Tổng công ty được hưởng trong năm như sau:

	2015 VND	2014 VND
Tiền lương và các khoản thu nhập khác	<u>14.379.173.230</u>	<u>14.798.258.223</u>



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Một số số dư trọng yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản phải thu		
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	610.194.370.810	1.228.246.991.813
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1	483.710.619.276	442.519.421.436
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	188.288.143.102	148.086.003.194
Tổng công ty Khí Việt Nam	164.313.357.365	54.582.444.790
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	31.623.836.255	30.991.247.047
Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	21.649.783.631	27.894.552.013
Tổng công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí Việt Nam	16.880.289.452	3.749.097.717
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	10.462.387.004	14.740.122.147
Tổng công ty Phân bón và hóa chất Dầu khí	6.944.108.737	1.488.549.560
Ban Quản lý dự án Công trình liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn	5.566.760.597	70.647.079.041
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	4.572.629.721	5.103.370.822
Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	2.969.848.022	1.777.110.030
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp dầu khí	1.816.549.869	1.875.755.310
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	1.101.169.794	14.638.025.942
Tập đoàn dầu khí Việt Nam	774.874.440	2.633.504.194
Tổng công ty Dung dịch khoan & Hóa phẩm Dầu khí	694.189.510	17.101.243.976
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	459.689.267	995.937.211
Tổng công ty Dầu Việt Nam	259.884.767	527.591.353
	<hr/>	<hr/>
Trả trước cho người bán là các bên liên quan		
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp dầu khí	1.003.405.822	2.190.360.938
Tổng công ty Công nghệ năng lượng Dầu khí Việt Nam	1.171.233.209	1.316.952.000
Tổng công ty Khí Việt Nam	4.678.763.094	-
	<hr/>	<hr/>
Các khoản phải thu khác		
Công ty Cổ phần Đóng mới và sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch	230.819.875.570	230.819.875.570
Công ty Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	124.740.417.492	124.740.417.492
Ban Quản lý dự án công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn	90.847.767.158	52.345.374.030
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	40.811.003.545	16.850.156.471
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	12.624.211.512	2.322.297.651
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1	12.575.464.419	587.655.082.100
	<hr/>	<hr/>

112
 CHI
 CỘNG
 HNH
 EL
 IET TH
 TP. CHÍ
 AM
) C

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải trả		
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	211.992.308.257	265.071.740.439
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp dầu khí	91.491.347.204	103.343.940.905
Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	27.089.929.607	39.610.321.438
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	24.675.202.868	19.587.497.969
Tổng công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí	21.450.017.085	29.330.715
Tổng công ty Dầu Việt Nam	17.769.324.088	8.258.364.149
Tổng công ty Công nghệ năng lượng Dầu khí Việt Nam	2.358.470.558	1.134.150.638
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	2.201.815.875	21.066.031.627
Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	1.266.003.566	804.286.664
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	627.599.808	-
Tổng công ty Khí Việt Nam	498.013.200	50.950.862.754
Tổng công ty Phân bón và hóa chất Dầu khí	287.940.125	56.591.385
Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	208.266.420	184.538.450
Người mua trả tiền trước		
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1	1.051.381.785.330	1.331.640.082.386
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	-	174.510.601
Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	244.585.600.839	198.093.992.027
Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	312.666.955.829	-
Công ty Cổ Phần Nhiên Liệu Sinh Học Dầu Khí Miền Trung	50.466.725.642	51.874.951.142
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	76.022.200.000	78.037.000.000
Ban quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn	-	27.698.260.149
Phải trả khác		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	349.068.201.763	382.752.004.016
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	49.873.999.702	40.518.408.320
Vay dài hạn		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	492.543.919.502	718.740.168.254

46. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền chi mua và xây dựng tài sản cố định không bao gồm số tiền 65.335.164.141 đồng là giá trị tài sản mua sắm trong năm chưa thanh toán cho người bán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 752.037.147.525 đồng). Theo đó, một khoản tiền tương ứng được trả điều chỉnh trên phần biến động các khoản phải trả.

47. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 4 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Tổng công ty đã áp dụng Thông tư 200. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC			Theo TT 200/2014/TT-BTC			Thay đổi
Tên chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014	Tên chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014	
		Số đã báo cáo VND			Số phân loại lại VND	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT						
I. Tài sản						
1. Các khoản tương đương tiền	112	3.927.569.993.108	1. Các khoản tương đương tiền	112	3.922.423.110.330	Phân loại lại
2. Phải thu khách hàng	131	5.646.895.381.826	2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.853.568.751.986	Phân loại lại và đổi tên
3. Trả trước cho người bán	132	208.600.589.533	3. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	199.453.519.993	Phân loại lại
<i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i>		-	4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	36.515.902.584	Phân loại lại và đổi tên
4. Các khoản phải thu khác	135	1.719.315.800.084	5. Phải thu ngắn hạn khác	136	1.821.729.296.365	Phân loại lại và đổi tên
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	(41.278.386.517)	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(40.544.560.242)	Phân loại lại
6. Hàng tồn kho	141	903.248.770.304	7. Hàng tồn kho	141	592.316.102.390	Phân loại lại
7. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	46.904.669.115	8. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	48.859.148.465	Phân loại lại
8. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	174.003.277.948	9. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	173.928.156.852	Phân loại lại
9. Tài sản ngắn hạn khác	158	112.697.706.856	10. Tài sản ngắn hạn khác	155	-	Phân loại lại
<i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i>		-	11. Trả trước cho người bán dài hạn	212	9.147.069.540	Phân loại lại và đổi tên
<i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i>		-	12. Phải thu về cho vay dài hạn	215	27.386.928.007	Phân loại lại và đổi tên
10. Phải thu dài hạn khác	218	30.000.000	13. Phải thu dài hạn khác	216	24.983.314.045	Phân loại lại
11. Tài sản cố định vô hình	227	25.601.411.271	14. Tài sản cố định vô hình	227	26.882.427.438	Phân loại lại
- Nguyên giá	228	58.824.135.445	- Nguyên giá	228	60.166.827.445	Phân loại lại
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(33.222.724.174)	- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(33.284.400.007)	Phân loại lại
<i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i>		-	15. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	338.243.865.136	Phân loại lại và đổi tên
12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	91.319.444.663	16. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn	242	91.319.444.663	Phân loại lại và đổi tên
13. Đầu tư dài hạn khác	258	197.685.874.301	17. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	133.783.043.710	Phân loại lại và đổi tên
14. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	(38.576.819.722)	18. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	(38.576.819.722)	Đổi tên
<i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i>		-	19. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	52.036.044	Phân loại lại
15. Chi phí trả trước dài hạn	261	652.105.153.551	20. Chi phí trả trước dài hạn	261	652.523.086.884	Phân loại lại
16. Tài sản dài hạn khác	268	2.653.943.494	21. Tài sản dài hạn khác	268	-	Phân loại lại

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU B 09 - DN/HN

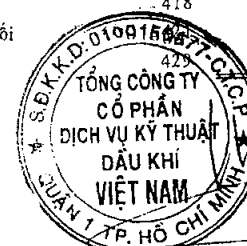
Theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC			Theo TT 200/2014/TT-BTC			Thay đổi
Tên chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014 Số đã báo cáo VND	Tên chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014 Số phân loại lại VND	
II. Nguồn vốn						
1. Phải trả người bán	312	5.118.264.822.271	1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.111.786.817.079	Phân loại lại và đổi tên
2. Người mua trả tiền trước	313	2.090.126.777.779	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	1.060.268.509.195	Phân loại lại và đổi tên
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	352.909.921.821	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	424.856.260.804	Phân loại lại
4. Phải trả người lao động	315	424.254.456.352	4. Phải trả người lao động	314	424.254.456.352	Đổi mã
5. Chi phí phải trả	316	2.257.413.411.257	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	2.291.794.091.814	Phân loại lại và đổi tên
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	-	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	14.952.901.201	Phân loại lại
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	1.173.182.888.149	7. Phải trả ngắn hạn khác	319	1.170.292.053.323	Phân loại lại và đổi tên
8. Vay và nợ ngắn hạn	311	751.764.086.591	8. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	320	751.764.086.591	Đổi tên và đổi mã
<i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i>		-	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	37.171.638.955	Phân loại lại và đổi tên
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	219.236.091.138	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	219.236.091.138	Đổi mã
10. Phải trả dài hạn người bán	331	132.535.870.219	11. Phải trả người bán dài hạn	331	132.535.870.219	Đổi tên
<i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i>		-	12. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	1.029.858.268.584	Phân loại lại và đổi tên
11. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	17.195.508.087	13. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	2.242.606.886	Phân loại lại và đổi tên
12. Phải trả dài hạn khác	333	636.932.135	14. Phải trả dài hạn khác	337	636.932.135	Đổi mã
13. Vay và nợ dài hạn	334	1.827.999.608.092	15. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	338	1.827.999.608.092	Đổi tên và đổi mã
14. Dự phòng phải trả dài hạn	337	1.148.486.853.990	16. Dự phòng phải trả dài hạn	342	1.092.112.627.098	Phân loại lại và đổi mã
15. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	29.803.146.098	17. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	29.803.146.098	Đổi mã
16. Quỹ đầu tư phát triển	417	1.555.192.138.475	18. Quỹ đầu tư phát triển	418	1.847.210.152.285	Phân loại lại
17. Quỹ dự phòng tài chính	418	292.018.013.810	19. Quỹ dự phòng tài chính	418	-	Phân loại lại
18. Lợi nhuận chưa phân phối	420	2.998.016.072.265	20. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	3.159.343.755.206	Phân loại lại và đổi tên
19. Lợi ích cổ đông thiểu số	439	1.435.697.022.831	21. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	1.441.830.762.958	Phân loại lại và đổi tên

(Signature)

Nguyễn Quang Chánh
Người lập biểu

(Signature)

Nguyễn Xuân Cường



Phan Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2016
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

(Signature)